

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, để có thể tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải có phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả kinh tế nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng là lợi nhuận. Kinh tế Việt Nam đang ngày càng phát triển và hội nhập với nền kinh tế thế giới, có nhiều cơ hội nhưng cũng có không ít những khó khăn thách thức vì vậy các doanh nghiệp luôn luôn phải có các biện pháp để đối phó kịp thời với mọi tình huống.

Hàng tồn kho (HTK) của doanh nghiệp là tài sản lưu động của doanh nghiệp dưới hình thức vật chất. Hàng tồn kho của doanh nghiệp có thể được mua từ bên ngoài, có thể doanh nghiệp sản xuất ra để dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh hoặc để thực hiện việc cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp hoặc để bán. Về mặt giá trị hàng tồn kho phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động hàng tồn kho của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kì, cuối kì của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì.

Hàng tồn kho có thể gồm nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm dịch vụ, thành phẩm, hàng hóa...

Nhận thức được vai trò và vị trí của hàng tồn kho, trong quá trình thực tập tại công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu hàng tồn kho tại công ty và đã chọn đề tài làm khóa luận cho mình là: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng”.

Cùng với sự giúp đỡ và hướng dẫn tận tình của cô Bùi Thị Chung, các cô và anh chị trong phòng tài chính- kế toán, phòng tổ chức hành chính, phòng tiêu thụ sản phẩm của công ty, em đã hoàn thành khóa luận.

Nội dung của khóa luận:

PHẦN I: Vấn đề cơ bản về hàng tồn kho và kế toán hàng tồn kho trong các doanh nghiệp sản xuất.

PHẦN II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng.

PHẦN III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng.

Mặc dù bản thân đã nỗ lực cố gắng để hoàn thành bài khóa luận một cách tốt nhất song do khả năng và thời gian có hạn nên em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được những nhận xét, đánh giá, góp ý của các cô, các anh chị trong phòng kế toán – tài chính, phòng tiêu thụ của Công ty, các thầy cô giáo để em có điều kiện bổ sung, hoàn thiện khóa luận và nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt cho quá trình làm việc thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn !

PHẦN I

VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HÀNG TỒN KHO VÀ KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1.VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÀNG TỒN KHO(HTK) TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT (DNSX).

1.1.1. Khái niệm về hàng tồn kho trong doanh nghiệp

- HTK là toàn bộ số hàng mà DN đang nắm giữ với mục đích kinh doanh thương mại hoặc dự trữ cho việc sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ cho khách hàng.

- HTK trong DNSX bao gồm: nguyên vật liệu (Raw materials), công cụ dụng cụ, sản phẩm đang chế tạo (Work in process) và thành phẩm (Finished products).

1.1.2. Đặc điểm hàng tồn kho trong doanh nghiệp.

- HTK rất đa dạng và phong phú. Mỗi loại HTK có đặc tính lí hóa, sinh học riêng, ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng hàng trong quá trình thu mua, vận chuyển dự trữ,... HTK luôn thay đổi về chất lượng, mẫu mã,... Sự thay đổi này phụ thuộc vào trình độ phát triển của sản xuất, nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng.

- Sau mỗi chu kì sản xuất kinh doanh của DN thì vốn lưu động lại thay đổi hình thái từ hình thái vốn tiền tệ ban đầu sang vốn vật tư hàng hóa và sau cùng lại trở về hình thái ban đầu là hình thái tiền tệ. Như vậy, quá trình vận động của hàng là quá trình vận động của vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tăng tốc độ luân chuyển vốn kinh doanh không thể tách rời việc dự trữ và tiêu thụ hàng một cách hiệu quả.

1.1.3. Vai trò của hàng tồn kho trong doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất, HTK có vai trò như là một tấm đệm an toàn giữa các giai đoạn khác nhau: dự trữ - sản xuất – tiêu thụ sản phẩm.

1.1.4. Phân loại hàng tồn kho trong các doanh nghiệp.

Việc phân loại và xác định những gì thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp ảnh hưởng tới tính chính xác của hàng tồn kho phản ánh trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh. Các DNSX thường có ba loại hàng tồn kho ứng với các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, đó là hàng tồn kho ở khâu dự trữ (NVL, hàng mua đang đi đường, CCDC,...), hàng tồn kho ở khâu sản xuất (giá trị sản phẩm dở dang) và hàng tồn kho ở khâu lưu thông (thành phẩm, hàng hóa, hàng gửi bán).

1.1.4.1. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ bao gồm các chủng loại hàng mà doanh nghiệp mua về để phục vụ cho quá trình sản xuất của mình. Bao gồm các loại nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, công cụ dụng cụ đang đi đường hoặc trong kho.

Việc duy trì một lượng hàng tồn kho thích hợp sẽ mang lại cho doanh nghiệp sự thuận lợi trong hoạt động mua vật tư và hoạt động sản xuất. Mặt khác, trước những biến động của thị trường như giá cả vật tư tăng đột ngột hay trở nên khan hiếm mà doanh nghiệp nhanh nhạy dự đoán trước được thì việc lưu giữ lượng hàng tồn kho lớn sẽ đảm bảo cho doanh nghiệp được cung ứng kịp thời

1.1.4.2. Sản phẩm dở dang.

Sản phẩm dở dang bao gồm tất cả các sản phẩm chưa hoàn thành hiện còn đang nằm tại một công đoạn nào đó của quá trình sản xuất hoặc sản phẩm hoàn thành chưa làm thủ tục nhập kho thành phẩm. Tồn kho sản phẩm dở dang là một phần tất yếu của hệ thống sản xuất công nghiệp hiện đại. Đơn giản vì nó sẽ mang lại cho mỗi công đoạn của quá trình sản xuất một mức độ độc lập nào đó. Bên cạnh đó, sản phẩm dở dang còn giúp lập kế hoạch sản xuất hiệu quả cho từng công đoạn và tối thiểu hóa chi phí phát sinh do ngừng trệ sản xuất hoặc có thời gian nhàn rỗi.

1.1.4.3. Thành phẩm.

Thành phẩm là những sản phẩm đã kết thúc quá trình chế biến, đã hoàn thành chu kỳ sản xuất của mình, đã được kiểm nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật quy định, có thể nhập kho hay giao ngay cho khách hàng. Tùy theo đặc điểm sản xuất sản phẩm mà sản phẩm có thể chia thành nhiều loại với những phẩm cấp khác nhau gọi là chính phẩm, phụ phẩm, hay sản phẩm loại I, II...

Tồn kho thành phẩm nhằm đáp ứng mức tiêu thụ dự kiến trong tương lai, mang lại lợi ích cho cả bộ phận sản xuất (tăng số lượng sản phẩm sản xuất, giảm chi phí sản xuất) và bộ phận marketing của doanh nghiệp (tối thiểu hoá thiệt hại do không có hàng giao hoặc chậm trễ trong giao hàng).

1.1.5. Yêu cầu và nhiệm vụ cơ bản của kế toán hàng tồn kho.

1.1.5.1. Yêu cầu quản lý hàng tồn kho.

HTK trong doanh nghiệp thường gồm nhiều loại, có vai trò, công dụng khác nhau. Do đó, các doanh nghiệp phải đảm bảo tổ chức quản lý hàng tồn kho một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu:

Khâu thu mua, DN cần kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cung ứng thu mua hàng trên tất cả các mặt: số lượng, chất lượng, giá mua,... nhằm cung cấp đầy đủ kịp thời vật tư hàng hoá cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Khâu bảo quản, DN phải tổ chức tốt hệ thống bến bãi, trang bị các phương tiện kỹ thuật, bảo đảm an toàn cho hàng, tránh bị mất mát, hư hỏng,... gây nên sự lãng phí.

Khâu dự trữ, để có thể vừa đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời cho quá trình SX và tiêu dùng của xã hội, đồng thời vừa tránh được sự ứ đọng, DN cần thường xuyên tiến hành kiểm tra số tồn kho để có thể điều chỉnh lại kế hoạch cung ứng, thu mua.

Khâu tiêu thụ, doanh nghiệp cần phải nâng cấp chất lượng sản phẩm, giữ uy tín, áp dụng các chiến lược marketing nhằm thu hút nhiều khách hàng, tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.1.5.2. Nhiệm vụ của kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp.

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý HTK từ khâu thu mua, vận chuyển đến khâu bảo quản, dự trữ và sử dụng, kế toán HTK thường xuyên phản ánh ghi chép đầy đủ tình hình thu mua, nhập- xuất- tồn, và tình hình dự trữ cho quá trình kinh doanh. Thông qua kế toán HTK, kế toán cung cấp thông tin cho nhà quản lý doanh nghiệp biết được về chất lượng, giá cả,... để từ đó ra quyết định cho phù hợp và đúng đắn.

Lựa chọn phương pháp kế toán chi tiết, phương pháp kế toán tổng hợp, phương pháp tính giá tồn kho khi xuất kho phù hợp với đặc điểm tình hình của doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình quản lý và tiết kiệm nhân công giảm áp lực công việc của phòng kế toán.

Kế toán HTK cần tổ chức đánh giá phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu quản lý thống nhất của Nhà nước và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp, vì vậy kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp sản xuất phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán phù hợp với phương pháp HTK của doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán đúng với chế độ hiện hành, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết, tạo điều kiện cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong phạm vi ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

- Tổ chức ghi chép, phản ánh số liệu về tình hình nhập- xuất- tồn hàng đầy đủ kịp thời, tính giá thực tế mua, nhập, xuất, tồn. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về mặt số lượng, chất lượng,... nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời cho quá trình tiêu thụ.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ, phát hiện ngăn ngừa và có những biện pháp xử lý những hàng thừa, thiếu... Tính toán, xác định số lượng và giá trị hàng thực tế đã xuất kho để kịp thời k/c giá vốn, ghi nhận DTBH.

- Tham gia kiểm kê đánh giá hàng hóa theo chế độ Nhà nước quy định, lập các báo cáo phục vụ công tác quản lý và lãnh đạo.

Cung cấp thông tin tổng hợp và chi tiết cần thiết về hàng tồn kho kịp thời, phục vụ cho quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2. KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.

1.2.1. Quy định chung về hạch toán hàng tồn kho.

1.2.1.1. Yêu cầu đánh giá hàng tồn kho

- Yêu cầu về tính chân thực: đòi hỏi việc tính giá HTK tiến hành dựa trên cơ sở tổng hợp đầy đủ, đúng đắn và hợp lý các chi phí thực tế cấu thành lên trị giá vốn của HTK và loại trừ được các chi phí bất hợp lý, giảm chi phí kém hiệu quả.

- Yêu cầu tính thống nhất: nội dung và phương pháp tính giữa các niên độ kế toán của đơn vị phải thống nhất, nếu có bất kì thay đổi nào phải giải thích trên thuyết minh báo cáo tài chính. Cách tập hợp chi phí, cách tính toán phân bổ, tiêu thức phân bổ chung để xác định chỉ tiêu về giá vốn hàng tồn kho nhập kho và trị giá vốn xuất kho giữa các kì hạch toán phải nhất quán tránh ảnh hưởng của trị giá vốn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.1.2. Xác định giá trị nhập- xuất hàng tồn kho.

Việc tính giá hàng tồn kho sẽ tạo điều kiện cho kế toán tính toán chính xác và ghi chép kịp thời trị giá của hàng nhập kho, do đó sẽ cung cấp cho các nhà quản lý những thông tin đầy đủ, kịp thời, góp phần quản lý hoạt động thu mua, sản xuất hàng tồn kho có hiệu quả.

Thông qua tính giá HTK giúp kế toán ghi nhận, xử lý và cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác về sự biến động, sử dụng hàng của doanh nghiệp, đồng thời chi tiết theo từng chủng loại, ... làm cơ sở cho việc quản lý dự trữ, sản xuất HTK.

Hơn nữa, việc tính giá HTK giúp cho kế toán tính toán được trị giá vốn của HTK, kết hợp với việc ghi nhận doanh thu hàng bán, kế toán sẽ xác định được kết quả tiêu thụ sản phẩm và kết quả kinh doanh, phân tích hiệu quả kinh doanh của DN giúp cho việc quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp có hiệu quả hơn.

- Nguyên tắc đánh giá:

- Nguyên tắc giá gốc: (Theo chuẩn mực 02 HTK) HTK phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của HTK là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được các ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

+ Giá gốc HTK bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có được hàng tồn kho ở địa điểm hiện tại.

- Nguyên tắc thận trọng:

+ HTK được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

+ Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh trừ (-) đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

+ Thực hiện nguyên tắc thận trọng bằng cách trích lập dự phòng giảm giá HTK, kế toán đã ghi sổ theo giá gốc và phản ánh khoản dự phòng giảm giá HTK.

- Nguyên tắc nhất quán: các phương pháp kế toán sử dụng trong đánh giá hàng tồn kho phải đảm bảo tính nhất quán. Kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

- Trị giá nhập- xuất hàng tồn kho.

Ở các DNSX hàng tồn kho gồm NVL, giá trị sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng gửi bán. Giá thực tế từng loại hàng tồn kho được xác định như sau:

- NVL, CCDC mua chuẩn bị cho sản xuất: Giá thực tế nhập kho được xác định:

+ Giá mua theo hóa đơn trừ(-) các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, giá trị hàng mua bị trả lại.

+ Các khoản thuế không được Nhà nước hoàn lại (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

+ Chi phí thu mua có liên quan (chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ,...)

- Với thành phẩm nhập kho: Giá thực tế là giá thành phẩm sản xuất thực tế tức bao gồm ba khoản mục chi phí là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}$$

Trị giá vốn thực tế xuất kho: theo chế độ hiện hành, doanh nghiệp đánh giá theo giá thực tế, hàng ngày kế toán dùng giá thực tế để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ nhập, xuất hàng tồn kho. Doanh nghiệp áp dụng một trong các phương pháp sau: Phương pháp bình quân gia quyền, phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO), phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO), Phương pháp thực tế đích danh.

1.2.1.3. Xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ.

- HTK cuối kỳ phải được đánh giá theo giá trị thấp nhất giữa giá phí và giá thị trường hiện tại: Trong điều kiện có lạm phát, giá trị HTK phải được báo cáo theo giá phí; Trong điều kiện ngược lại, giá trị HTK phải được báo cáo theo giá thị trường.

- HTK cuối kỳ phải được đánh giá theo giá trị thấp nhất giữa giá phí và giá thị trường hiện tại có ý nghĩa tuân thủ được nguyên tắc thận trọng và nguyên tắc phù hợp.

- Nguyên tắc xác định giá thị trường: *giá thị trường hiện tại* được hiểu như là giá phí để thay thế một loại HTK tương ứng tại thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, giá thị trường không được vượt quá *giá trị hiện tại thuần* của hàng tồn kho - được định nghĩa như giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ đi chi phí hợp lý để hoàn tất và đem bán. *Giá thị trường* không được thấp hơn giá trị thuần trừ đi khoản *lợi nhuận trung bình* tính theo giá bán.

1.2.1.4. Đối với hàng tồn kho mua vào bằng ngoại tệ.

- Đối với hàng mua vào bằng ngoại tệ phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi giá trị hàng tồn kho đã nhập kho.

- Đến cuối niên độ kế toán, nếu xét thấy giá trị hàng tồn kho không thu hồi do bị hư hỏng, lỗi thời,... thì phải ghi giảm giá gốc hàng tồn kho cho bằng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Việc này được thực hiện bằng cách lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá HTK được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

1.2.2. Kế toán chi tiết hàng tồn kho.

Hạch toán chi tiết hàng tồn kho là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động từng loại, nhóm hàng tồn kho về số lượng và giá trị.

1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập xuất hàng tồn kho đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ: Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,...

1.2.2.2. Các phương pháp hạch toán chi tiết.

- **Phương pháp thẻ song song.**

- Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại hàng tồn kho.

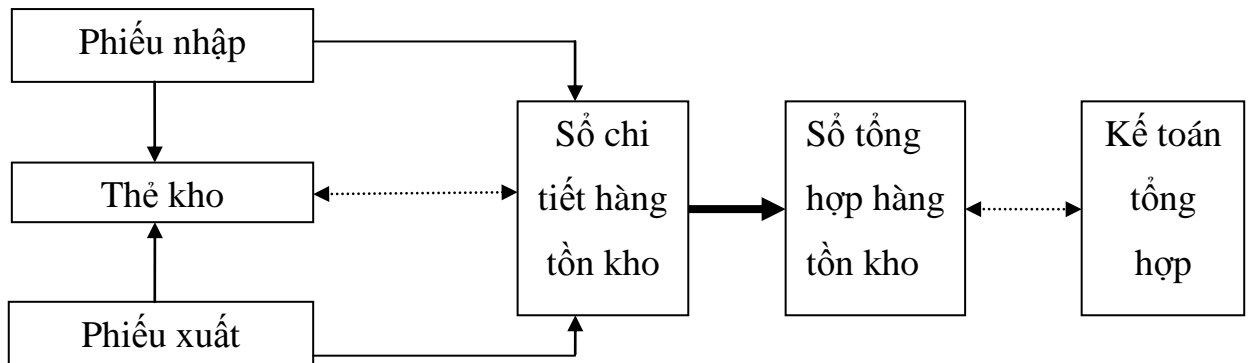
- Tại phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại hàng tồn kho về cả mặt số lượng và giá trị.

- + Hàng ngày hoặc định kì, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất thủ kho chuyển lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra, ghi giá và phản ánh vào các sổ chi tiết. Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn.

+ Cuối tháng, kế toán lập bảng nhập–xuất–tồn sau đó đối chiếu: Sổ kế toán chi tiết với thẻ kho, số liệu dòng tổng cộng trên bảng Nhập–Xuất–Tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp, số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

- Quy trình luân chuyển chứng từ:

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

- Ưu điểm: đơn giản dễ thực hiện, đảm bảo sự chính xác của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho. Hiện nay phương pháp này áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp.

- Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chi tiêu số lượng. Việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

- Điều kiện áp dụng: thích hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hóa, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của các nhân viên kế toán chưa cao.

• **Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.**

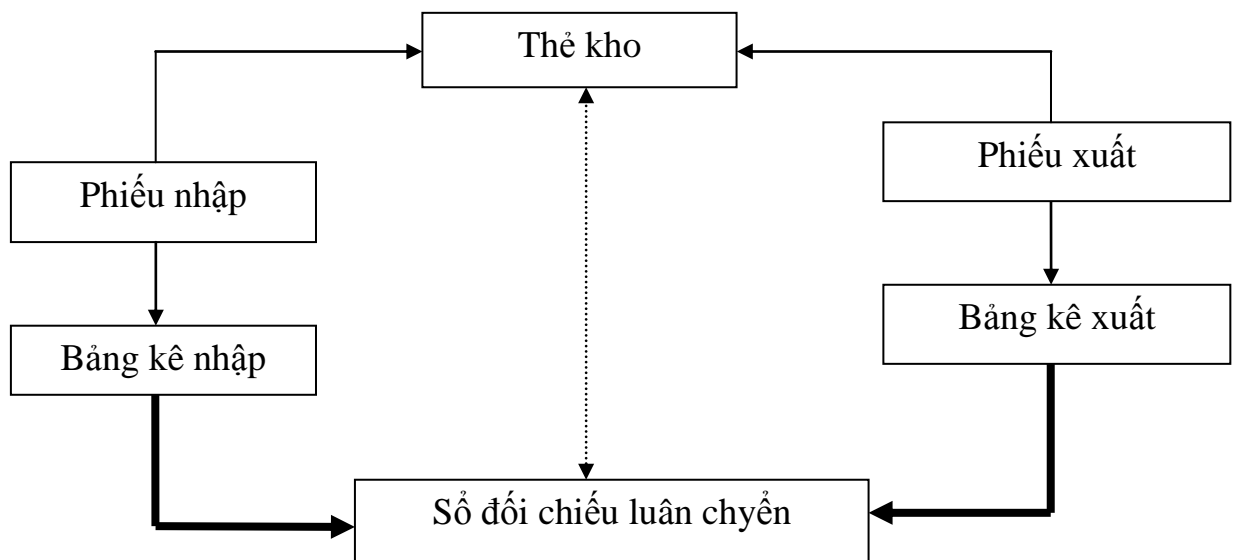
- Tại kho: thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật tư, hàng hóa về mặt số lượng.

- Tại phòng kế toán: để theo dõi từng loại vật tư, hàng hóa nhập xuất về số lượng và giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Đặc điểm ghi chép là chỉ ghi chép một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập xuất trong tháng.

+ Cuối tháng tổng hợp số liệu từ các chứng từ (hoặc từ bảng kê) để ghi sổ “đối chiếu luân chuyển”, cột luân chuyển và tính ra tồn kho cuối tháng.

- Quy trình luân chuyển chứng từ:

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết HTK theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi cuối tháng
-  Đối chiếu, kiểm tra

- Ưu điểm: Khối lượng phạm vi ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

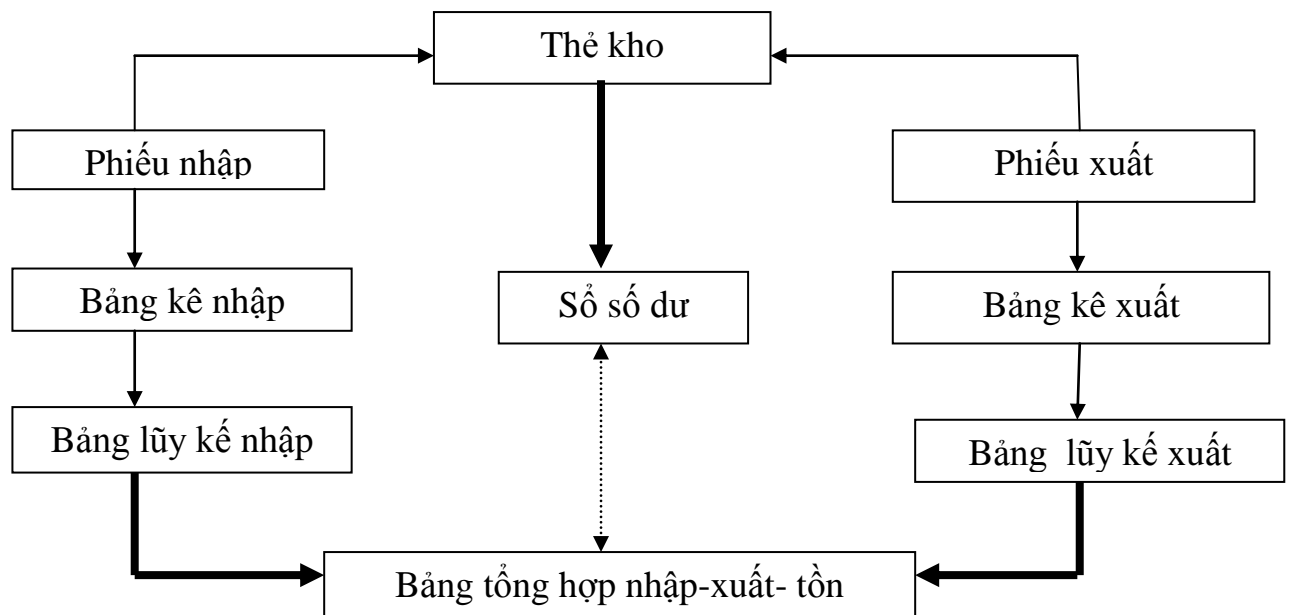
- Nhược điểm: việc ghi sổ vẫn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật và phòng kế toán cũng chỉ tiến hành kiểm tra đối chiếu vào cuối tháng do đó hạn chế tác dụng của kiểm tra.

- Điều kiện áp dụng: áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có không nhiều nghiệp vụ nhập xuất, không bố trí riêng nhân viên kế toán hàng tồn kho do đó không có điều kiện ghi chép theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

• **Phương pháp sổ số dư.**

- Tại kho: Thủ kho theo dõi tình hình nhập xuất HTK theo chỉ tiêu hiện vật.
- Tại phòng kế toán: theo dõi tình hình nhập xuất hàng tồn kho theo từng nhóm, từng loại theo chỉ tiêu giá trị. Kế toán mở sổ số dư theo từng kho. Sổ dùng cho cả năm để ghi chép tình hình nhập xuất. Từ các bảng kê nhập, bảng kê xuất kế toán lập bảng lũy kế nhập, lũy kế xuất, rồi từ các bảng lũy kế lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn theo từng nhóm, từng loại hàng tồn kho theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê lũy kế nhập, xuất để cộng tổng số tiền theo nhóm hàng tồn kho để ghi vào bảng kê nhập–xuất–tồn. Đồng thời, sau khi nhận được sổ số dư do thủ kho chuyển lên, kế toán căn cứ vào cột số dư về số lượng và đơn giá hạch toán của từng loại hàng tồn kho tương ứng để tính ra số tiền ghi vào cột số dư bằng tiền. Sau đó đối chiếu số liệu trên cột số dư bằng tiền của sổ số dư với bảng kê nhập–xuất–tồn, đối chiếu bảng kê nhập–xuất–tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

- Ưu điểm: tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép của kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng.

- Nhược điểm: Do kế toán chỉ ghi theo mặt giá trị nên muốn biết được số hiện có và tình hình tăng giảm về mặt hiện vật nhiều khi phải xem sổ của thủ kho, mất nhiều thời gian. Việc kiểm tra phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán gặp nhiều khó khăn

- ĐK áp dụng: thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng các nghiệp vụ ghi chép nhập xuất nhiều, thường xuyên, trình độ của kế toán đã vững vàng.

1.2.3. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho.

Kế toán tổng hợp HTK là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của HTK trên các sổ sách kế toán tổng hợp. Kế toán tổng hợp HTK có thể áp dụng một trong hai phương pháp: Phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.3.1. Tài khoản sử dụng

- | | |
|-----------------------------------|----------------------------------|
| + TK 151: hàng mua đang đi đường. | + TK 155: thành phẩm. |
| + TK 152: nguyên vật liệu. | + TK 156: hàng hóa. |
| + TK 153: công cụ, dụng cụ. | + TK 157: hàng gửi bán. |
| + TK 154: chi phí SXKD dở dang. | + TK 158: hàng hóa kho bảo thuế. |

Kết cấu cơ bản của nhóm tài khoản này:

Bên Nợ	Bên Có
+ Trị giá vật tư, hàng hóa mua vào	+ Trị giá hàng xuất kho
+ Chi phí thu mua	+ Phân bổ NVL, CCDC
+ Trị giá hàng thuê ngoài gia công	+ Chiết khấu thương mại
+ Trị giá hàng bị trả lại	+ Khoản giảm giá hàng bán
+ Trị giá hàng phát hiện thừa khi kiểm kê	+ Hàng mua trả lại
	+ Trị giá hàng thiếu khi kiểm kê

1.2.3.2. Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho.

- **Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**
 - Đặc điểm của phương pháp

+ Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế HTK, so sánh, đối chiếu với số liệu HTK trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số tồn kho thực tế phải luôn phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân.

+ Phương pháp kê khai thường xuyên thường áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp. . .) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật, chất lượng cao. . .

- Công thức tính giá hàng tồn kho.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{hàng tồn} & = & \text{tồn kho đầu} & + & \text{nhập kho trong} & - & \text{xuất bán trong} \\ \text{kho cuối kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

- Các phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho.

+ ***Phương pháp bình quân gia quyền:***

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của DN.

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân cả} \\ \text{kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng nhập kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} \\ + \end{array} \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng nhập kho trong} \\ \text{kỳ} \end{array}}$$

Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ: Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá mua, giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

Ưu điểm: khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập: Sau mỗi lần nhập hàng, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất giữa 2 lần nhập kế tiếp để tính giá xuất:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu điểm: khắc phục được hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

Nhược điểm: tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Chỉ được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

+ Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO).

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được nhập trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm: ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu HTK trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm: làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

+ Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO).

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

Ưu điểm: với phương pháp này chi phí của lần mua gần nhất sẽ tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán.

Nhược điểm: trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

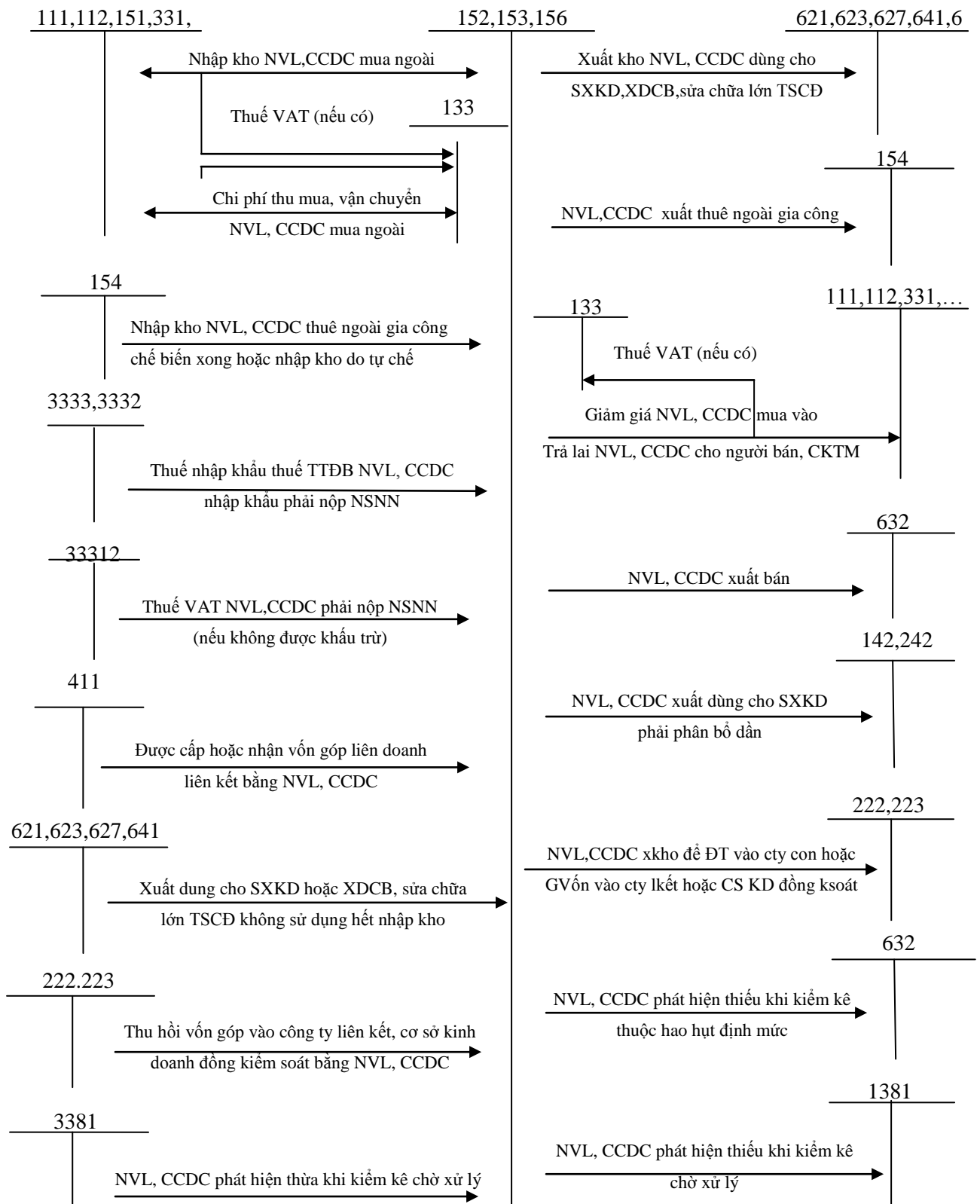
+ Phương pháp thực tế đích danh.

Theo phương pháp này hàng xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

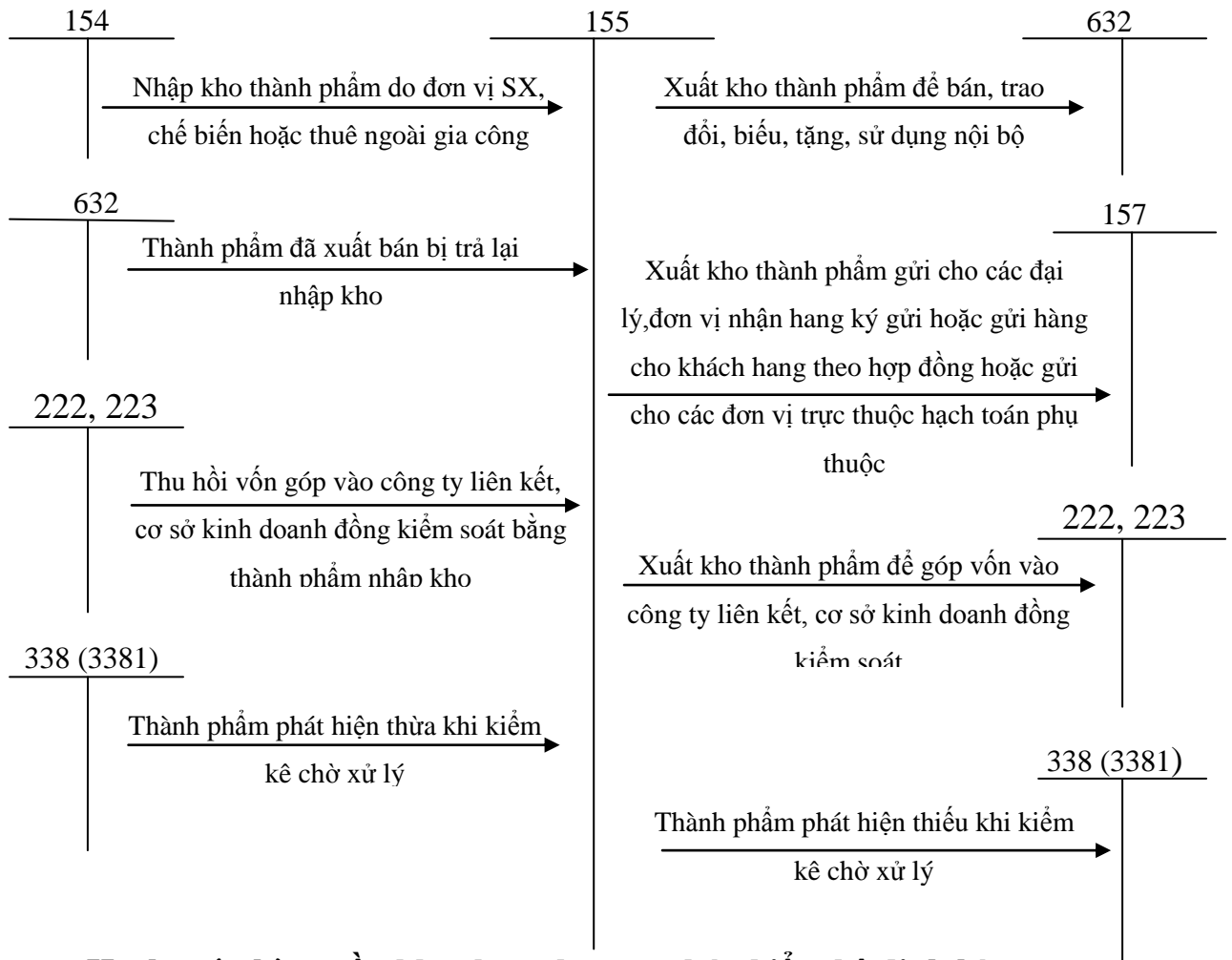
Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp

dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

Sơ đồ 1.4: Kế toán NVL, CCDC, HH (theo phương pháp KKTX)



Sơ đồ 1.5: Kế toán thành phẩm (theo phương pháp KKTX)



• **Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

- Đặc điểm của phương pháp.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của hàng trên sổ kế toán tổng hợp

Mọi biến động của HTK(Nhập, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của hàng tồn kho nhập kho và xuất kho trong kỳ được theo dõi, phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (TK 611 “Mua hàng”).

Công tác kiểm kê hàng tồn kho được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị hàng tồn kho thực tế, trị giá vật tư, hàng hoá xuất kho trong kỳ (Tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của Tài khoản 611.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Như vậy, khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hoá, vật tư với quy cách, mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp, hàng hoá, vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên (cửa hàng bán lẻ. . .).

Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho có ưu điểm là đơn giản, giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán. Nhưng độ chính xác về giá trị vật tư, hàng hoá xuất dùng, xuất bán bị ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi.

- Công thức tính trị giá hàng xuất dùng trong kỳ.

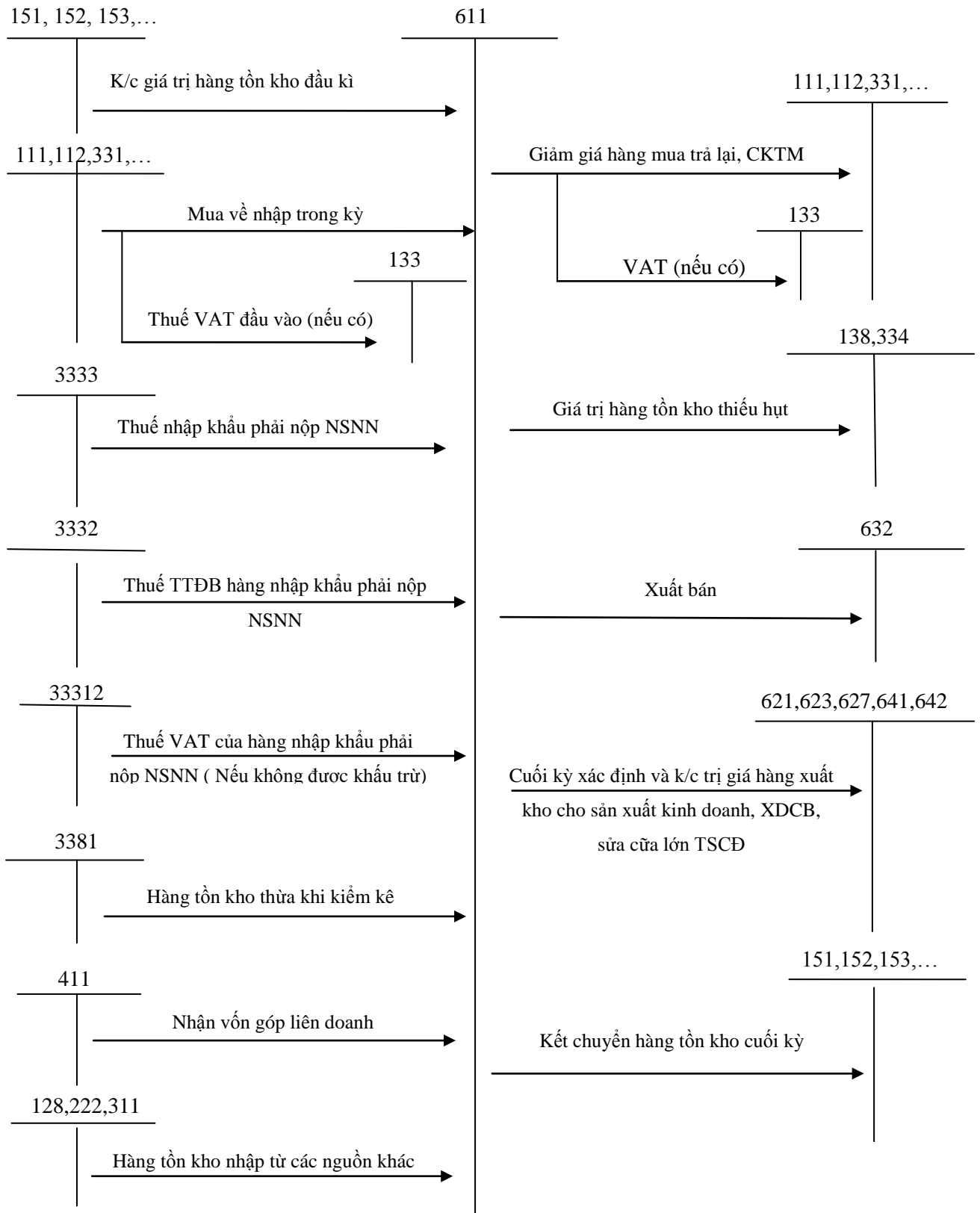
$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Tổng trị giá} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho trong} & = & \text{tồn kho đầu} & + & \text{hàng nhập} & - & \text{tồn kho cuối} \\ \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{kho trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

- Tài khoản sử dụng: TK 151, 152, 153, 154, 155, 156, TK 611

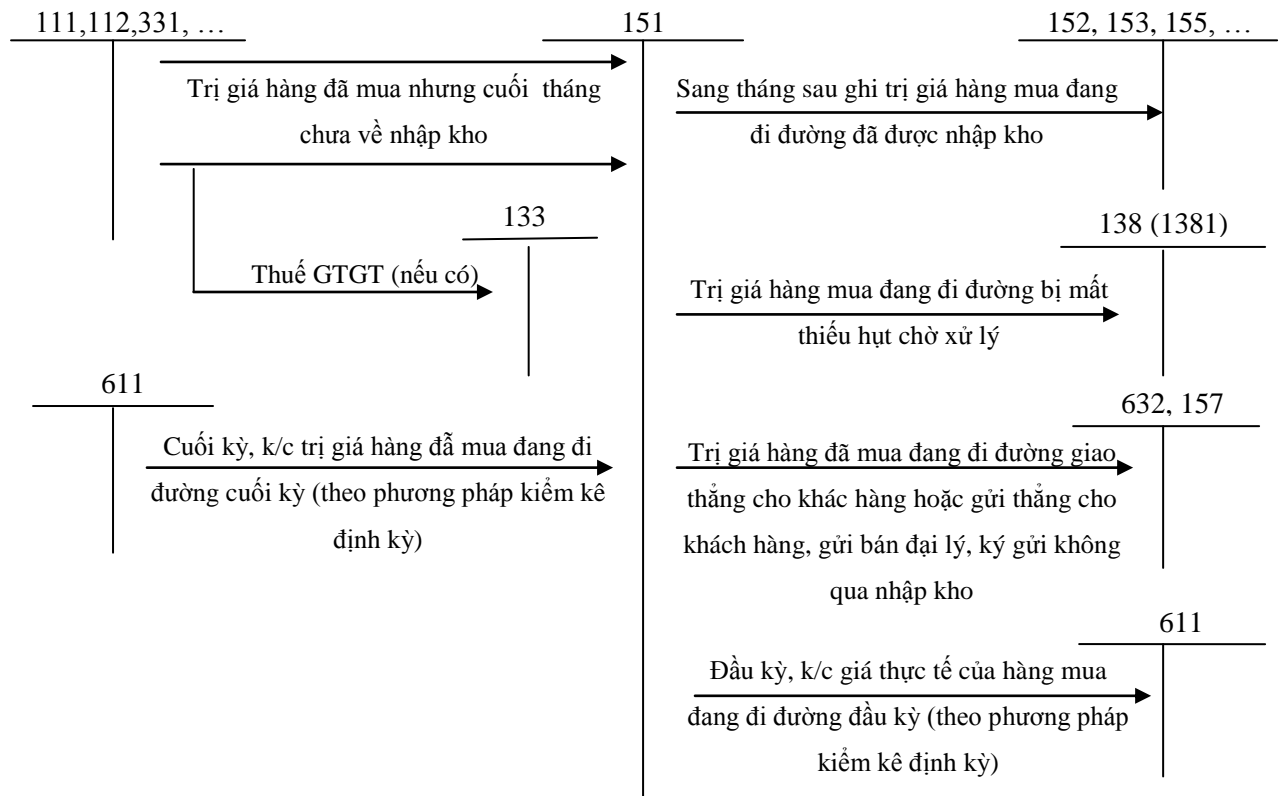
Kết cấu và nội dung của TK 611: “Mua hàng”

Bên Nợ	Bên Có
+ Kết chuyển giá thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ.	+ Kết chuyển giá thực tế của hàng tồn kho cuối kỳ.
+ Giá thực tế của hàng mua vào trong kỳ, hàng đã bán bị trả lại	+ Các khoản giảm giá, bớt giá, giá trị hàng mua bị trả lại.
	+ Giá thực tế của hàng xuất kho trong kỳ.
	+ Kết chuyển giá thực tế của hàng gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.

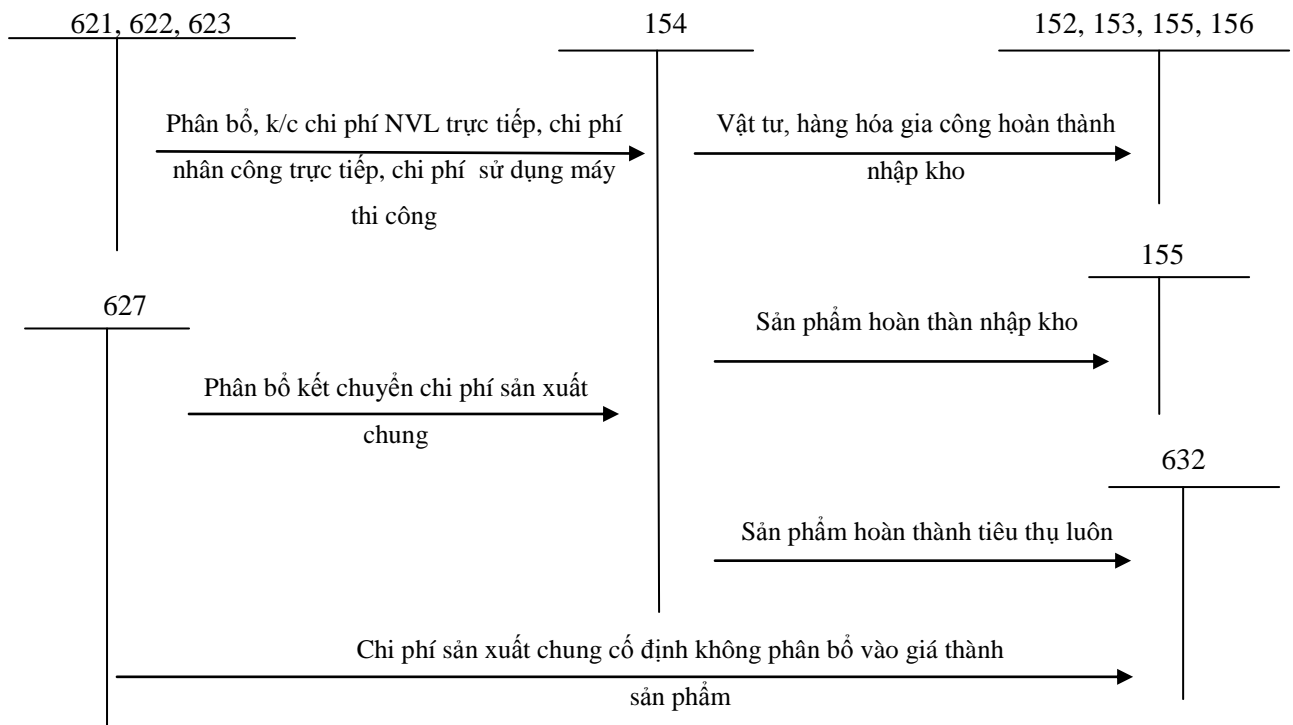
Sơ đồ 1.6: Kế toán hàng tồn kho (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



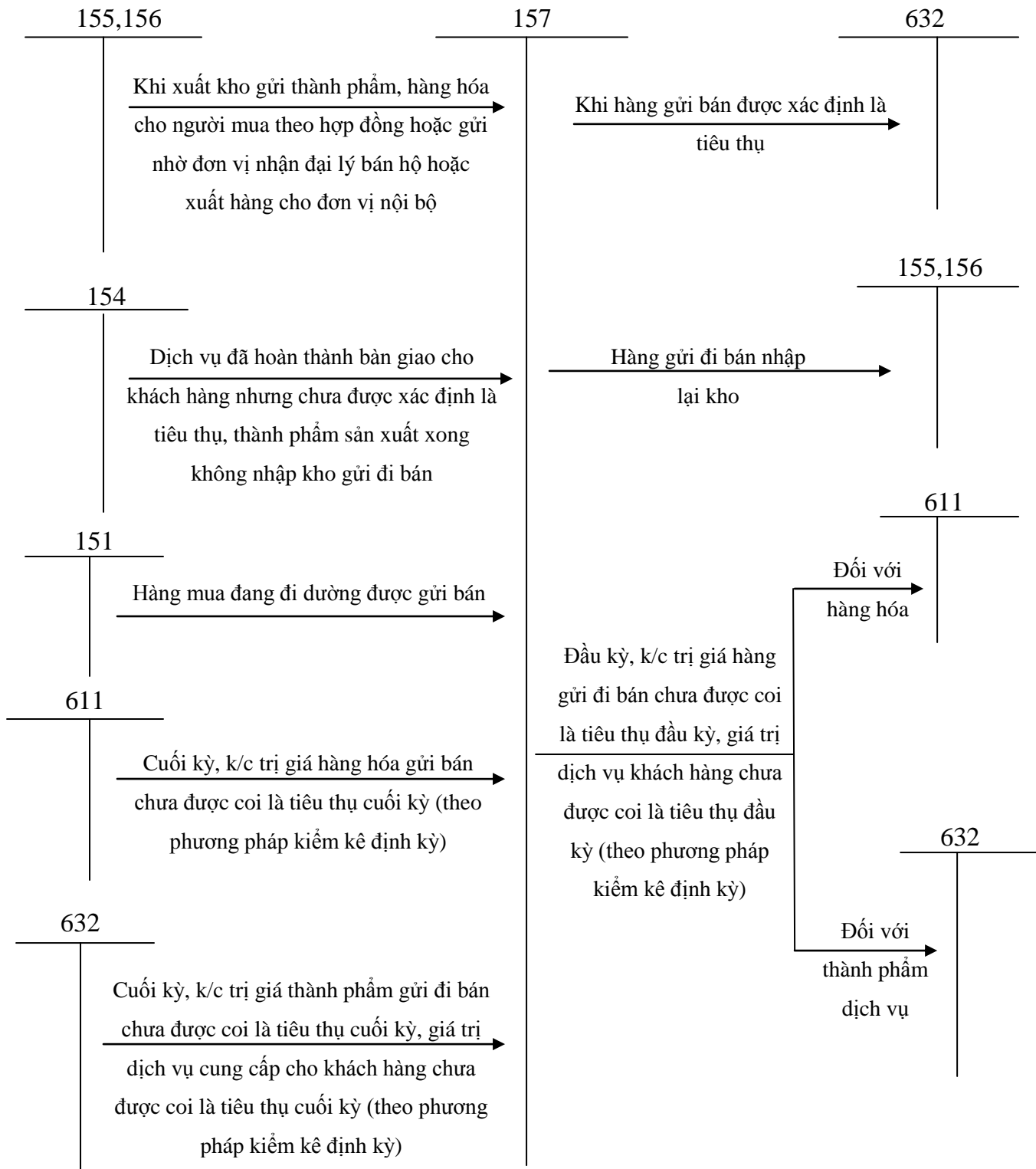
Sơ đồ 1.7: Kế toán hàng mua đang đi đường



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí SXKD dở dang



Sơ đồ 1.9: Kế toán hàng gửi bán



1.2.4. Vấn đề kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho.

1.2.4.1. Khái niệm.

Kiểm kê HTK là việc tiến hành kiểm tra trực tiếp tại chỗ hiện có tại thời điểm tiến hành kiểm kê thông qua việc cân, đong, đo, đếm. Được thực hiện bởi ban kiểm kê của doanh nghiệp với sự giám sát và tham gia của phòng kế toán. Mục đích của việc kiểm kê là nhằm đối chiếu số hàng tồn kho hiện có tại kho với số dư trên sổ sách kế toán, xác định số thừa, thiếu. Cũng qua đó kiểm tra chất lượng của hàng tồn kho, kiểm tra việc tôn trọng dự trữ tồn kho để quản lý chặt chẽ có hiệu quả hàng tồn kho, tránh tham ô, lãng phí, mất mát và đảm bảo tính thực tế của số liệu báo cáo về hàng tồn kho. Có biện pháp xử lý kịp thời những hiện tượng tiêu cực.

Đánh giá lại hàng tồn kho thường được thực hiện trong trường hợp Nhà nước quy định nhằm bảo toàn vốn kinh doanh khi có sự biến động lớn về giá cả và đem hàng đi góp vốn.

1.2.4.2. Phương pháp hạch toán khi kiểm kê.

Khi kiểm kê phát hiện hàng tồn kho thừa, thiếu, mất, hư hỏng kế toán phải căn cứ vào nguyên nhân hoặc quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để xử lý.

- Trường hợp phát hiện thừa:

- Chưa xác định được nguyên nhân chờ xử lý ghi:

Nợ TK 152,153,155,156 :NVL, CCDC, Thành phẩm, Hàng hóa

Có TK 338 (3381, 3388); Phải trả, phải nộp khác

- Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, kế toán căn cứ vào quyết định xử

lý:

Nợ TK 338 (3381): Phải trả, phải nộp khác

Có TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

Có TK 441: Nguồn vốn đầu tư XDCB

Có TK 338(3388): Phải trả, phải nộp khác

Có 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Trường hợp phát hiện thiếu:

- Nếu giá trị NVL, CCDC hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán.

Có TK 152, 153: Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

-Nếu thiếu hụt chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý

Nợ TK 1381: Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK152, 153, 155: NVL, CCDC, Thành phẩm

-Thiếu hụt đã xác định được nguyên nhân, căn cứ và quyết định ghi:

Nợ TK 111: Tiền mặt (Người phạm lỗi nộp tiền bồi thường)

Nợ TK1388: Phải thu khác

Nợ TK 334: Phải trả người lao động (Trừ vào lương của người phạm lỗi)

Nợ TK 632: GVHB (Phần thiếu hụt, mất, hư hỏng còn lại phải tính vào GVHB)

Có TK 138: Phải thu khác (1381)

1.2.4.3. Đánh giá lại hàng tồn kho

Đánh giá lại hàng tồn kho nhằm xác định giá trị phù hợp của hàng tồn kho tại thời điểm đánh giá lại.Đánh giá lại thường được thực hiện:

- Khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản.
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.
- Các trường hợp khác theo quy định (Khi chuyển đổi hình thức sở hữu DN,..)

Khi đánh giá lại hàng tồn kho doanh nghiệp phải thành lập hội đồng hoặc ban đánh giá lại:

- Nếu đánh giá lại nhỏ hơn trị giá đã ghi sổ kế toán, phần chênh lệch giảm:

Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Có TK 152,153,155,156: NVL, CCDC, Thành phẩm, Hàng hóa.

- Nếu đánh giá lại lớn hơn trị giá đã ghi sổ kế toán, phần chênh lệch giá tăng:

Nợ TK 152,153,155, 156: NVL,CCDC,Thành phẩm, Hàng hóa

Có TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

1.2.5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

1.2.5.1. Khái niệm.

Dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do hàng tồn kho bị giảm giá, đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thực tế thuần túy hàng tồn kho trong doanh nghiệp, nhằm đưa ra một giá trị thực tế về tài sản của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Giá trị thuần của hàng tồn kho được xác định trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp là giá trị điều chỉnh giữa trị giá tồn kho thực tế trên sổ kế toán và trị giá dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ hạch toán.

1.2.5.2. Thời điểm lập

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính.

1.2.5.3. Điều kiện lập

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào GVHB trong kỳ.
- Hàng tồn kho là mặt hàng kinh doanh, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.
- Có chứng từ, hóa đơn hợp lý hợp lệ hoặc các chứng từ khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

1.2.5.4. Phương pháp xác định mức dự phòng.

Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế của hàng hóa để xác định mức dự phòng.

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá hàng} \\ \text{tồn kho cho} \\ \text{năm kế hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng hàng tồn} \\ \text{kho giảm giá tại} \\ \text{thời điểm 31/12} \\ \text{năm báo cáo} \end{array} * \left(\begin{array}{l} \text{Giá hạch} \\ \text{toán trên sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thực} \\ \text{tế trên} \\ \text{thị trường} \\ \text{tại thời điểm} \\ \text{31/12} \end{array} \right)$$

Việc lập dự phòng phải tiến hành riêng cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho của doanh nghiệp. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.5.5. Kết cấu của tài khoản 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

1.2.5.6. Phương pháp hạch toán kế toán.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng thứ vật tư, hàng hoá, sản phẩm tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng thứ vật tư, hàng hoá, từng loại dịch vụ cung cấp dở dang, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cho niên độ kế toán tiếp theo:

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá HTK phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá HTK đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng GVHB.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

- Phương pháp hạch toán kế toán:

- Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá HTK lần đầu tiên

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO THEO CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN.

Theo quyết định 15/2006 QĐ – BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 có 5 hình thức kế toán:

- Hình thức nhật ký chung
- Hình thức nhật ký – sổ cái
- Hình thức nhật ký – chứng từ
- Hình thức chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy

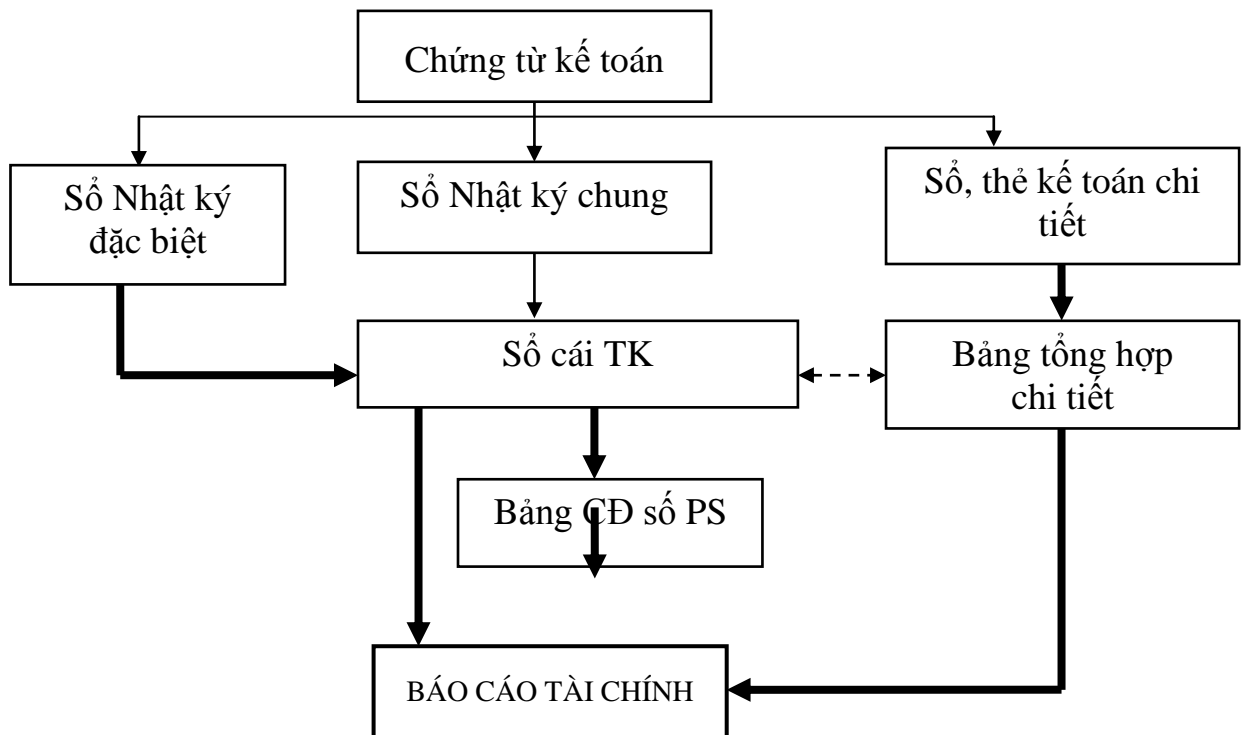
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức này là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi chép vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán các nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ nhật ký đặc biệt.
- Sổ cái, các sổ thẻ chi tiết...

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

Đặc trưng cơ bản là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trật tự thời gian với trình tự ghi sổ phân loại theo hệ thống toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh vào một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật ký – sổ cái.

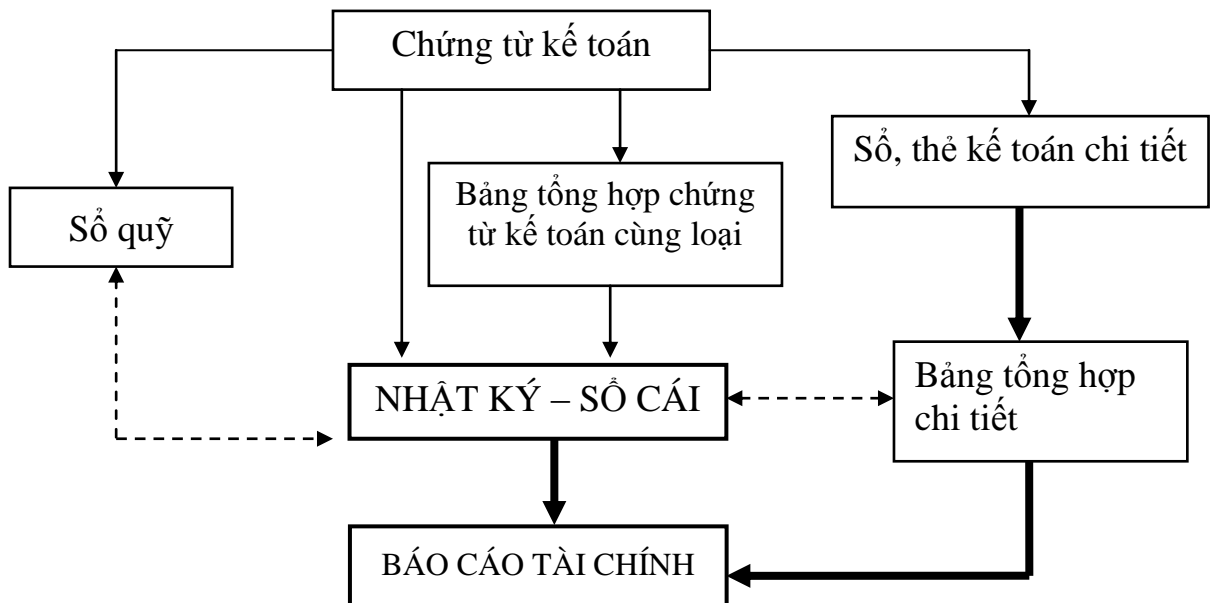
Tách biệt việc ghi chép kế toán tổng hợp với việc ghi chép kế toán chi tiết vào hai loại sổ khác nhau là sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

Không cần lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ vì kế toán có thể kiểm tra tính chính xác của việc ghi sổ cái ở dòng cộng cuối kỳ của Nhật ký – sổ cái.

Các sổ sử dụng:

- Sổ Nhật ký sổ cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết, ...

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

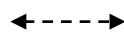
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



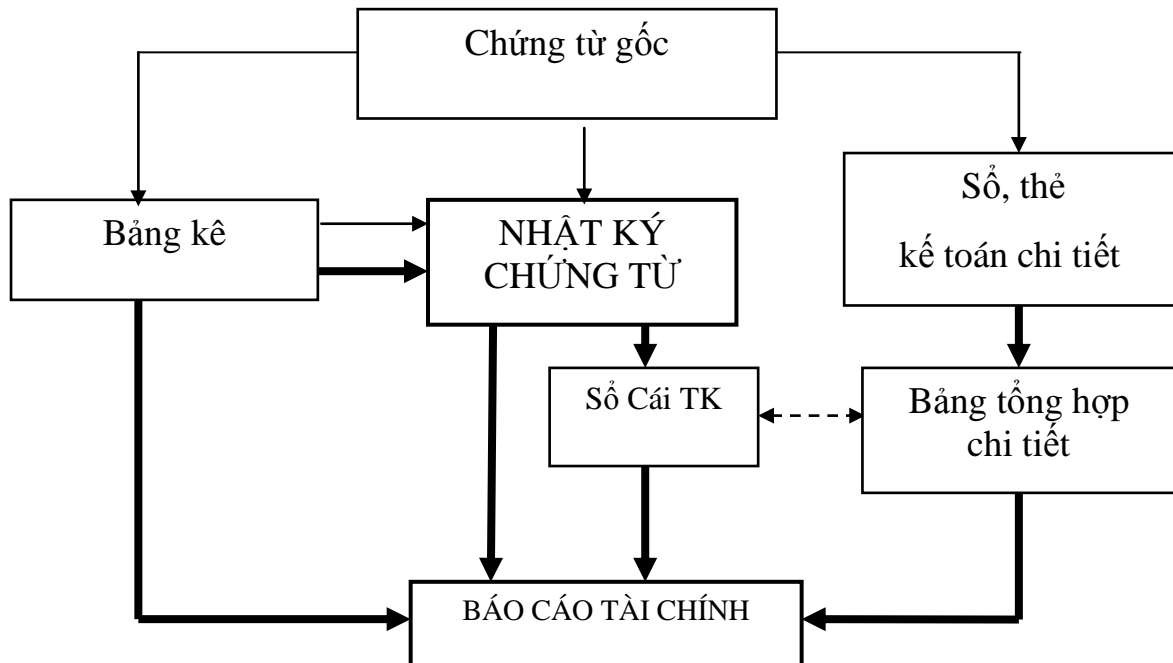
1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.

Đặc trưng cơ bản của Nhật ký chứng từ là sổ kế toán tổng hợp dùng để phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên “Có” của mỗi tài khoản chi tập trung phản ánh trên Nhật ký – chứng từ và từ Nhật ký – chứng từ phải ghi vào sổ cái một lần cuối tháng.

Các loại sổ sử dụng:

- Các Nhật ký chứng từ, bảng kê.
- Các sổ, thẻ chi tiết tài khoản.
- Các sổ cái...

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

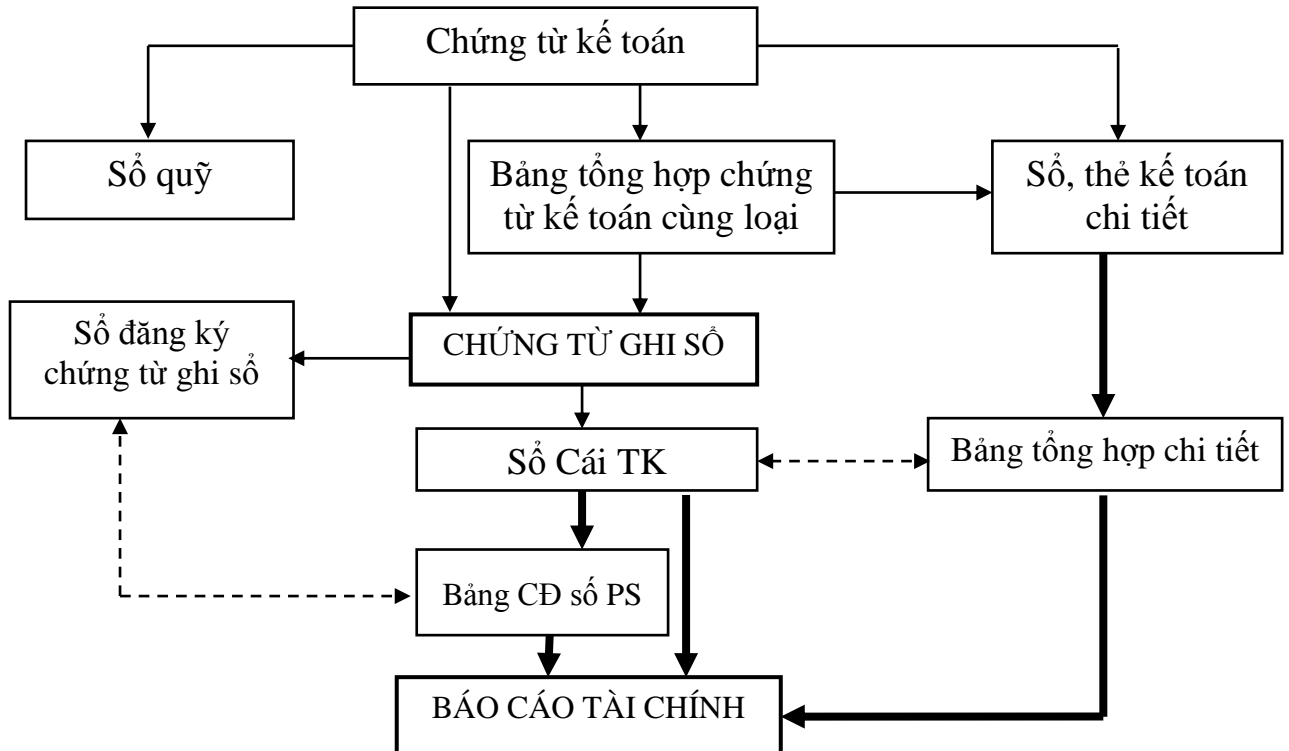
1.3.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán bao gồm: Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái. Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ gốc đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các loại sổ sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết,...

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \longrightarrow

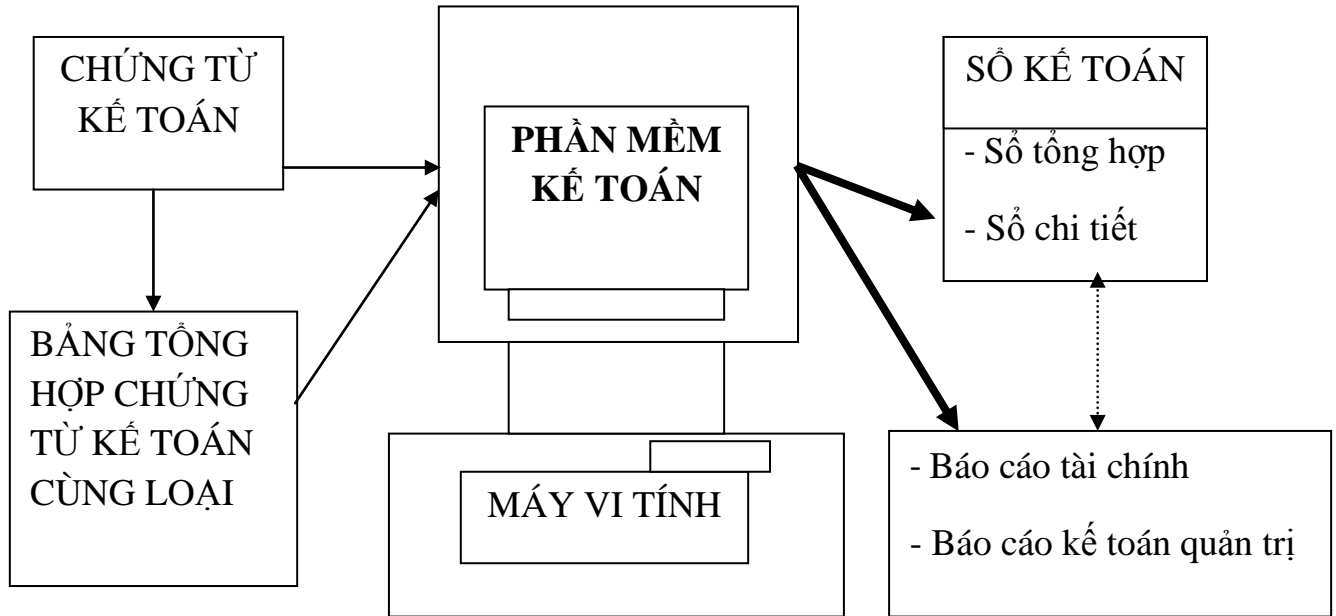
Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

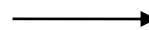
Các loại sổ sử dụng: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

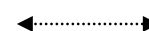
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



PHẦN II

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

2.1.1. Giới thiệu khái quát về công ty

Tên doanh nghiệp: *Công ty cổ phần Điện Cơ Hải Phòng*

Tên giao dịch: Hai Phong Electrical Mechanical Joint Stock Company.

Tên viết tắt: **HAPEMCO**

Trụ sở chính: Số 734 đường Nguyễn Văn Linh-Lê Chân- Hải Phòng

Cơ sở 2: Số 20 Đinh Tiên Hoàng – Hồng Bàng – Hải Phòng

Điện thoại: **0313.835927** hoặc **0313.783328** Fax: **0313.857393**.

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

- *Giai đoạn năm 1961-1985*

Những năm đầu của thập niên 60 của thế kỷ XX, khi miền Bắc bước vào giai đoạn cải tạo tư bản tư doanh, chủ trương của Đảng ta lúc này là thành lập một loạt các nhà máy để sản xuất ra tư liệu sản xuất phục vụ cho công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Trong tình hình đó **Xí nghiệp Hải Phòng Điện Khí** được phép thành lập theo Quyết định số 169/QĐ-TCCQ ngày 16/3/1961 của UBND thành phố Hải Phòng. Xí nghiệp được thành lập trên cơ sở sáp nhập 3 cơ sở tư doanh nhỏ trong nội thành Hải Phòng là: Xưởng Công Tư hợp doanh Khuy Trai, Xưởng loa truyền thanh và Xí nghiệp 19-8. Từ khi thành lập cho đến nay Xí nghiệp đã trải qua nhiều nấc thăng trầm.

Đây là thời kỳ Xí nghiệp hoạt động mang tính kế hoạch hóa tập trung. Về kết cấu sản phẩm chủ yếu của Xí nghiệp thời kỳ này gồm 3 sản phẩm, sản xuất, phân phối và tiêu thụ theo kế hoạch của Nhà Nước là: Động cơ điện 3 pha từ 0,6 KW đến 10 KW, máy hàn điện 3 pha từ 380V – 21V, quạt điện dân dụng và công nghiệp. Về tổ chức bộ máy quản lý mang đầy đủ đặc điểm của thời kỳ bao cấp. Về lao động: Số lao động trung bình 219 người (lao động gián tiếp 21%, lao động trực tiếp 79 %), trình độ lao động thấp, chủ yếu là lao động phổ thông.

Từ năm 1984 Xí nghiệp đổi tên thành Xí nghiệp Điện Cơ Hải Phòng. Có thể nói đây là thời kỳ vàng son của doanh nghiệp. Từ năm 1984-1987 doanh nghiệp đã nhiều lần giữ lá cờ đầu về sản xuất - kinh doanh của Sở Công Nghiệp Hải Phòng và được thưởng nhiều huân chương và bằng khen.

- ***Giai đoạn 1986 – 2003***

Từ những năm thập kỷ 80, đất nước chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường, Xí nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, nguyên nhân chủ yếu là do hàng hóa từ nước ngoài tràn vào lấn át thị trường nội địa, hàng hóa từ các Tỉnh phía Nam tràn ra bán tràn lan với giá rẻ lấn át thị trường quạt điện của Xí nghiệp. Trong khi đó sản phẩm của doanh nghiệp được sản xuất bằng công nghệ đã lạc hậu, sản phẩm không đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Doanh nghiệp đang đứng trước nguy cơ phải đóng cửa. Trước tình hình đó, Đảng Ủy và Ban Giám Đốc đã ra quyết định phải nhanh chóng thay đổi công nghệ sản xuất, đổi mới mẫu mã,...

Tháng 10/1992 UBND Thành phố ra quyết định số 1208/QĐ – UB ngày 11/10/1992 đối với việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước đối với Xí nghiệp Điện Cơ Hải Phòng. Sản phẩm sản xuất là các loại quạt, lồng quạt, ... các cỡ để phục vụ cho công nghệ sản xuất liên hoàn của doanh nghiệp và cung cấp linh kiện quạt. Tháng 4/1998 Công ty đã ký kết với tập đoàn Mitsustar của Nhật để sản xuất các linh kiện quạt, công nghệ sản xuất được đầu tư hiện đại. Từ năm 1999 - 2003 sản phẩm quạt

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

điện Phong Lan của doanh nghiệp đã được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao. Thị trường của sản phẩm đã được mở rộng ra trong và ngoài nước.

- ***Giai đoạn 2004 đến nay.***

Đây là giai đoạn công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Ngày 26/12/2003 Công ty Điện Cơ Hải Phòng đổi tên thành Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng theo Quyết định số 3430/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của UBND thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng số 0203000691 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hải Phòng cấp ngày 13/01/2004.

Vốn Điều Lệ trên Giấy đăng ký kinh doanh là **8,450 tỷ đồng** . Trong đó:

Vốn Nhà nước : **1,3 tỷ đồng**. chiếm 15%

Vốn Cổ Đông trong Công ty : **6,266 tỷ** , chiếm 74,20%

Vốn Cổ Đông ngoài Công ty: **884 triệu** , chiếm 10,80%

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Công ty duy trì bộ máy theo kiểu Trực tuyến – tham mưu. Giám đốc Công ty trực tiếp điều hành các phòng ban. Phó Giám đốc giúp Giám đốc phụ trách các bộ phận Kế hoạch – Vật tư và Tiêu thụ sản phẩm và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực mình phụ trách .

Các phòng ban chức năng làm nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc trong quá trình ra quyết định. Các Trưởng phòng, Quản đốc phân xưởng được giao toàn quyền quản lý, bố trí lao động điều hành các công việc cụ thể trong phạm vi quản lý của mình để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trưởng các bộ phận có thể giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền cho cấp phó một số công việc hoặc quyền hạn nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc phân công và ủy quyền trên .

+ **Phòng KCS:** (10 người) Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm. Công tác bảo hành sản phẩm.

+ **Phòng tiêu thụ sản phẩm:** (19 người) Bán hàng, bán linh kiện, vật tư. Công tác thị trường, phát triển thị trường

+ **Phòng tổ chức – hành chính:** (21 người) Tham mưu Ban GD về tổ chức bộ máy quản lý. Quản lý nhân sự, đào tạo.

+ **Phân xưởng cơ khí :** (59 người) Sản xuất các chi tiết cơ khí quạt điện. Sản xuất lồng quạt để bán hàng. Sơn tĩnh điện các chi tiết quạt và nhận sơn gia công...

+ **Phân xưởng Nhựa:** (13 người) Quản lý, khai thác hệ thống máy ép phun nhựa và khuôn mẫu các loại.

+ **Phân xưởng lắp ráp:**(39 người) Quán, hạ động cơ quạt điện các loại. Thực hiện lắp ráp hoàn thành quạt điện, đóng gói nhập kho thành phẩm Công ty.

+ **Lao động hợp đồng của Công ty:** gồm 55 người

2.1.4. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

- **Nghành nghề kinh doanh**

- Sản xuất các loại quạt điện, linh kiện quạt, các đồ điện gia dụng khác.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.
- Bán buôn, bán lẻ các loại sắt thép, đồ điện gia dụng và đồ điện công nghiệp.

- **Đặc điểm về sản xuất kinh doanh**

Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng là doanh nghiệp đầu tiên tại Hải Phòng sản xuất ra các loại quạt điện. Sản phẩm của doanh nghiệp phục vụ nhu cầu tiêu dùng sinh hoạt và sản xuất. Trong quá trình phát triển, sản phẩm đã có nhiều thay đổi, nhờ áp dụng tiến bộ KHKT Công ty không ngừng đưa ra thị trường những sản phẩm với chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã ngày càng cao.

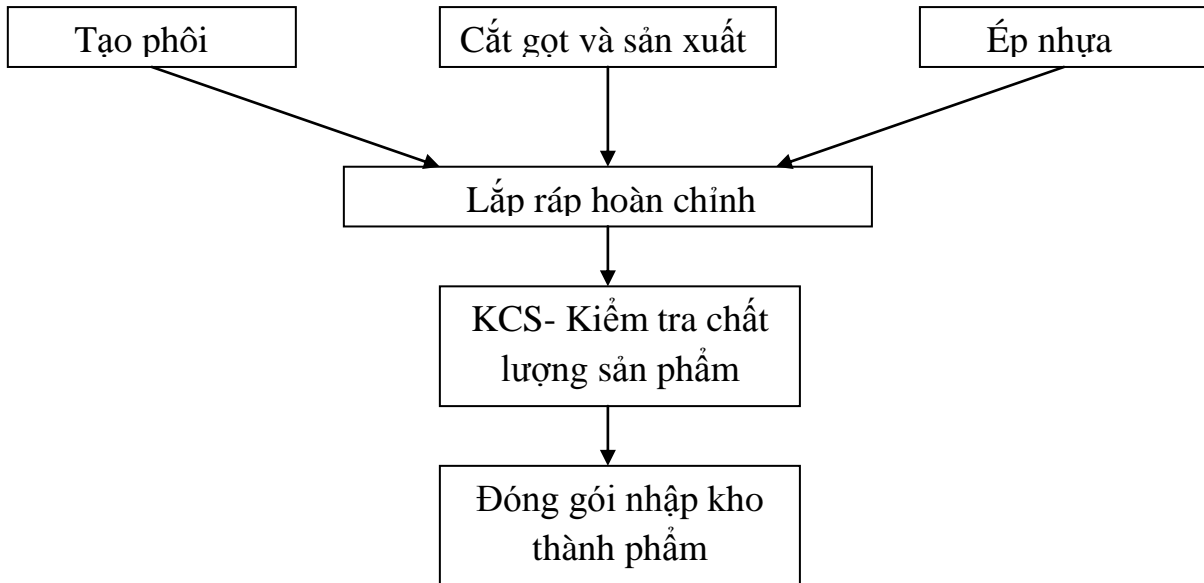
Bảng danh mục các sản phẩm quạt điện của Công ty

STT	Tên sản phẩm
1	Quạt bàn các loại :B300,B400
2	Quạt treo các loại: T400 có đèn, T400 Không đèn, T400J. Quạt treo điều khiển KDK, KDK-3MS, Quạt treo T450, Quạt treo công nghiệp.
3	Quạt rút các loại : R400D, R400-03, 400J
4	Quạt tản gió các loại: QH300,QH350.
5	Quạt đứng : Đứng 450, HD1476, Đ400E, Đ400N, đứng khiển L23-KĐK.
6	Quạt trần: PL3, PL3 không hộp số.
7	Quạt hút : HT- 200,HT-250.
8	Quạt mát hơi nước.
9	Quạt sưởi bàn HSM-01
10	Quạt nóng lạnh HSM-02
11	Quạt công nghiệp : 650P,750P
12	Quạt thông gió tròn các loại : 400,450,500,550,600,650.
13	Quạt thông gió vuông
14	Quạt đảo trần

(Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của phòng kế hoạch – vật tư)

Đặc điểm quy trình sản xuất sản phẩm .

Quy trình sản xuất quạt là quy trình tổng hợp, khép kín bao gồm các bộ phận sau:



Tạo phôi: - Đột dập các chi tiết cơ khí, sản xuất các khối tôn từ.

- Quán hạ dây động cơ quạt điện.

Cắt gọt: - Gia công cơ khí các chi tiết động cơ quạt.

- Sản xuất lồng quạt.

Ép nhựa: Sản xuất các chi tiết kết cấu quạt như than , cánh, vỏ nhựa quạt.

Lắp ráp quạt: Là khâu cuối cùng trong quy trình sản xuất quạt điện. Bán thành phẩm từ các khâu trên được đưa đến phân xưởng lắp ráp để tiến hành lắp ráp quạt thành phẩm . Sản phẩm đạt tiêu chuẩn được đưa sang bộ phận đóng gói nhập kho.

Ngoài các chi tiết sản xuất tại chỗ để lắp ráp thành quạt thì Công ty còn nhập một số chi tiết như: Bộ điều khiển, hạt nhựa ABS, Sbin

- **Kết quả sản xuất – kinh doanh**

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Tỷ lệ (%)
I	GIÁ TRỊ SLHHTH			70.867.682.458	
III	SẢN PHẨM CHÍNH CÁC LOẠI	Cái			
1	Tổng quạt các loại			212.732	
	Quạt bàn các loại	-		17.500	
	Quạt rút các loại	-		34.003	
	Quạt đứng các loại	-		50.317	
	Quạt treo các loại	-		58.771	
	Quạt hút + Quạt hộp + Quạt tán	-		20.459	
	Quạt trần	-		6.150	
	Quạt công nghiệp các loại	-		25.532	
2	Lồng quạt các loại	Bộ		1.460.692	
IV	LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG				
	-Lao động toàn đơn vị	Người		240	
	-Tổng quỹ lương	Đồng		8.882.391.735	
	-Năng suất lao động				
	-Lương bình quân	Đồng		3.084.164	
	-Tổng thu nhập bình quân	Đồng			
V	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
	- Tài sản cố định	Đồng		31.665.450.122	
	-Tổng số khấu hao TSCĐ lũy kế	-		(13.465.839.059)	
	-Vốn cổ đông doanh nghiệp	-		14.967.500.000	
	-Vốn cổ đông ngoài doanh nghiệp	-		1.932.500.000	
	-Thặng dư vốn	-		4.439.500.000	
	-Các quỹ	-		3.046.984.177	
	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			4.224.475.591	
	Trong đó: Vốn cố định	Đồng		9.098.224.973	

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Vốn lưu động	-		19.512.734.795	
-Tài sản lưu động dự trữ thực tế	-		35.712.220.760	
+ Khâu dự trữ	-		12.748.610.719	
+ Khâu sản xuất	-		580.875.315	
+ Khâu lưu thông	-		22.382.734.726	
-Khấu hao cơ bản trích	-		2.120.610.170	
-Doanh thu	-		140.685.202.417	
-Thuế VAT đã khấu trừ	-		12.646.929.093	
-Thuế tiêu thụ đặc biệt trích				
-Lợi nhuận sau thuế	-		6.406565.266	
-Nộp ngân sách	-		5.144.540.424	
Trong đó:				
+ Thuế VAT	-		1.402.423.012	
+ Thuế đất	-		241.281.800	
+ Thuế nhập khẩu	-		2.445.237.040	
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		1.052.598.572	
+ Nộp khác: Môn bài	-		3.000.000	
-Vốn vay ngân hàng	-		33.821.363.542	
Trong đó: + Vay dài hạn	-		4.501.743.242	
+ Vay ngắn hạn	-		29.319.620.300	
-Vay ngoại tệ				
-Lãi trả ngân hàng	-		2.908.057.036	
Trong đó: Lãi trả do nợ quá hạn				-

Người lập biểu
Trịnh Lan Phương

Kế toán trưởng
Lê Thị Bích Huệ

Giám đốc đơn vị
Trần Văn Long

2.1.5. Những thành tích của công ty.

Trong những năm qua Công ty Điện Cơ Hải Phòng luôn khắc phục những khó khăn, tích cực nghiên cứu, hợp tác, áp dụng nhiều công nghệ mới hiện đại vào trong công việc, đảm bảo chất lượng và tiến độ, đời sống của cán bộ công nhân viên luôn được nâng cao. Sản phẩm của công ty đã được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao.

- **Công tác Đảng, Đoàn thể**

Quán triệt phương châm của Đảng trong tình hình hiện nay “ Lấy phát triển Kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt” Công ty luôn gắn nhiệm vụ Chính trị hàng đầu là ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao, đồng thời xây dựng tổ chức Đảng ở Việt Nam cũng được củng cố với Hội đồng quản trị và ban giám đốc và các tổ chức quần chúng.

Kết quả phân tích, đánh giá chất lượng Đảng viên năm 2010: 100% (27 đồng chí) đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ, trong đó 4 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 19 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chi bộ đề nghị Quận ủy Lê Chân công nhận là chi bộ “ trong sạch vững mạnh”. Tổ chức Công đoàn luôn chăm lo đời sống cho người lao động (việc làm – thu nhập), kết hợp cùng Ban Giám đốc giải quyết đầy đủ mọi quyền lợi chính đáng cho người lao động như: Các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, chế độ nâng lương nâng bậc, các chế độ tiền lương, tiền thưởng, tiền phép hàng năm đều được giải quyết kịp thời và đúng quy định.

- **Công tác ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ**

Sau khi có công văn hướng dẫn Sở Công Thương về việc thực hiện Chỉ thị 09/CT – BTC, Công ty đã triển khai các công việc về công tác An toàn - Vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ như: Lập phương án PCCC, bảo dưỡng các hệ thống bình PCCN, các biển báo, nội quy sử dụng máy móc thiết bị đảm bảo được an toàn.

Kiện toàn, phân công, qui định trách nhiệm đối với Hội đồng BHLĐ, cán bộ làm công tác an toàn, Cán bộ quản lý, các phòng ban, phân xưởng.

- **Công tác từ thiện.**

Với mức thu nhập của Công nhân viên chức lao động trong công ty còn hạn chế, đời sống vẫn gặp nhiều khó khăn, nhưng mọi người đều thể hiện tốt tình cảm tương thân tương ái, tích cực tham gia hoạt động từ thiện do công ty, Thành phố phát động. Những năm qua CNVCLĐ trong công ty đã đóng góp cho các quỹ : Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ ủng hộ đồng bào bão lụt miền trung, và nhiều đợt trợ giúp khác.

2.1.6. Những thuận lợi và khó khăn của công ty.

- **Thuận lợi:**

Đội ngũ Cán bộ công nhân viên chức, Lao động trong công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực Sản xuất –kinh doanh quạt điện. Sự kết hợp có tính năng động cao trong các vấn đề quan trọng của công ty được Chi bộ Đảng và Hội đồng quản trị giải quyết triệt để, kịp thời nhằm phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh.

Kỹ thuật công nghệ trong sản xuất luôn được lãnh đạo công ty quan tâm và đầu tư có hiệu quả để tăng năng suất lao động tiết kiệm vật tư đảm bảo chất lượng của sản phẩm quạt điện.

- **Khó khăn**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay còn chịu sự ảnh hưởng cạnh tranh rất gay gắt, chịu tác động trực tiếp khủng hoảng kinh tế thế giới cũng như trong nước đối với Doanh nghiệp. Cạnh tranh hàng hóa ngoại nhập lẫn cạnh tranh rất gay gắt hàng hóa trong nước với nhiều thành phần Kinh tế khác nhau. Thị trường tiêu thụ và thị hiếu tiêu dùng thay đổi rất khó nắm bắt. Khó khăn về tính chất thời vụ của sản phẩm luôn gây áp lực về việc giải quyết lao động trái vụ và hiệu quả sử dụng đồng vốn. Khó khăn về năng lực công nghệ sản xuất ở mức trung bình thấp ảnh hưởng lớn tới sức cạnh tranh và phát triển. Khó khăn về thực lực lao động vốn chủ sở hữu còn rất nhỏ, chủ yếu sử dụng đồng vốn thương mại là chính.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

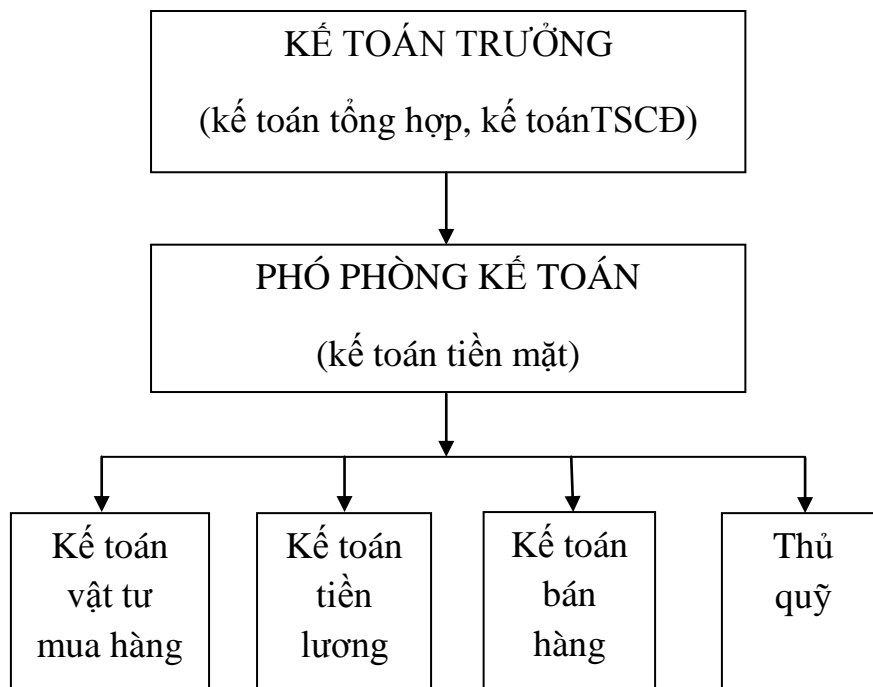
Đặc biệt về tình hình nhân lực trong Công ty. Lực lượng cán bộ quản lý được đào tạo cơ bản còn thiếu và yếu. Thợ lành nghề mai một, đào tạo mới rất khó khăn. Khả năng tiếp cận công nghệ sản xuất kinh doanh tiên tiến còn thấp.

2.1.7.1. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng.

Công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng được cụ thể hóa thành các phần hành cụ thể như sau :

- Kế toán tổng hợp
- Kế toán bán hàng
- Kế toán vật tư, mua hàng.
- Kế toán vốn bằng tiền
- Kế toán tiền lương
- Kế toán tài sản cố định

Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty :



• Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán :

- Kế toán trưởng: Tổng hợp các phần hành kế toán trong công ty. Tiến hành tổ chức, điều hành hệ thống kế toán và tham mưu cho Giám đốc về hoạt động SXKD. Đồng thời theo dõi, hạch toán kế toán TSCĐ.

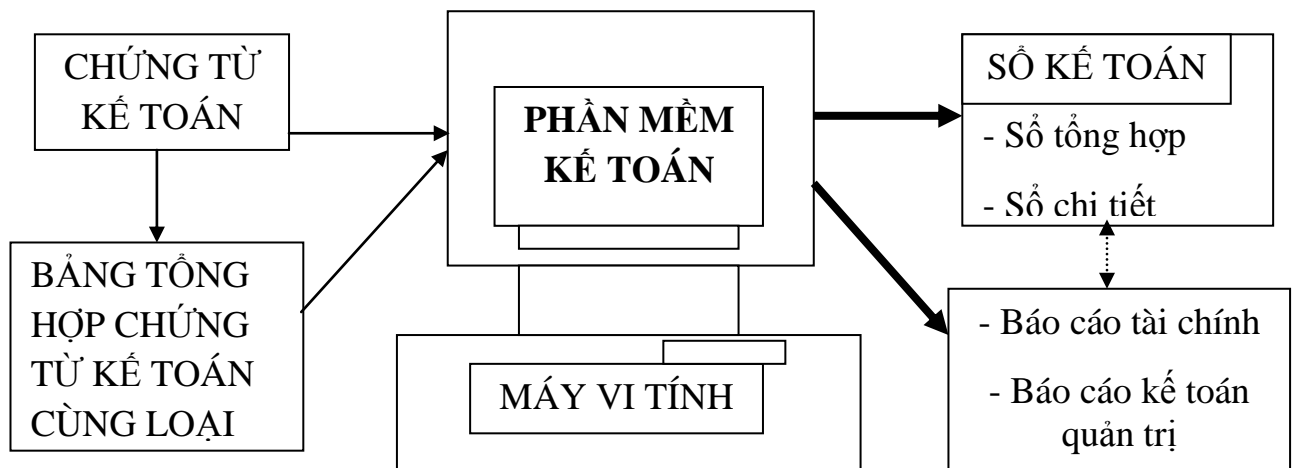
Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

- Phó phòng kế toán: phụ trách kế toán tiền mặt, thực hiện quyết toán thuế với nhà nước, giao dịch với ngân hàng, vấn đề liên quan nhập khẩu hàng.
- Kế toán vật tư: phụ trách tình hình nhập kho, xuất kho, tồn kho, tình hình sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thực hiện báo cáo kịp thời.
- Kế toán bán hàng: theo dõi tình hình bán hàng hóa, thành phẩm, bán thành phẩm, đồng thời theo dõi công nợ phải thu của khách hàng trên tài khoản 131.
- Kế toán tiền lương: Thực hiện kế toán tiền lương, quản lý quỹ lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.
- Thủ quỹ: cùng với kế toán vốn bằng tiền quản lý việc thu, chi tiền mặt trong doanh nghiệp, kiểm kê báo cáo quỹ hàng ngày.

2.1.7.2. Hình thức kế toán tại doanh nghiệp

- Hiện nay công ty đang áp dụng phần mềm kế toán ASIA, hệ thống sổ sách kế toán của công ty được lựa chọn theo hình thức Nhật ký – Chứng từ. Lập báo cáo tài chính cũng như báo cáo quản trị.
- Hệ thống sổ sách sử dụng bao gồm: Nhật ký chứng từ, bảng kê, Sổ cái, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết, ...
- Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC được ban hành vào ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký Chứng từ trên máy tính



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán dựa vào các chứng từ thực tế phát sinh để tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán máy. Từ số liệu được lập hàng ngày máy sẽ tự động chạy vào sổ như bảng kê, nhật ký chứng từ có liên quan, sổ chi tiết tài khoản. Từ các sổ này đến cuối tháng máy sẽ tự động chạy số liệu và tính ra số liệu ở các sổ tổng hợp như: Sổ cái tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đối chiếu số liệu giữa các sổ thì kế toán tiến hành đặt lệnh để máy tính tiến hành tính toán số liệu trong báo cáo tài chính.

- Căn cứ điều 30 khoản 2 Luật Kế toán: các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị mà doanh nghiệp sử dụng là

1. Bảng cân đối kế toán	4. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
2. Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản	5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
3. Bảng thuyết minh báo cáo tài chính	

- Năm kế toán được xác định theo năm dương lịch bắt đầu từ 01/01 đến 31/12.

- *Phương pháp xác định giá trị sản xuất kinh doanh dở dang* : tính theo chi phí nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm.

- *Phương pháp kế toán tài sản cố định*: Phương pháp khấu hao áp dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo QĐ số 206/2033/QĐ – BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

- *Đơn vị tiền tệ sử dụng, nguyên tắc quy đổi sang đồng tiền khác.*

+ Sử dụng đồng Việt Nam trong ghi chép và hạch toán.

+ Khi quy đổi sang đồng tiền khác thì căn cứ vào tỷ giá ngoại tệ do ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

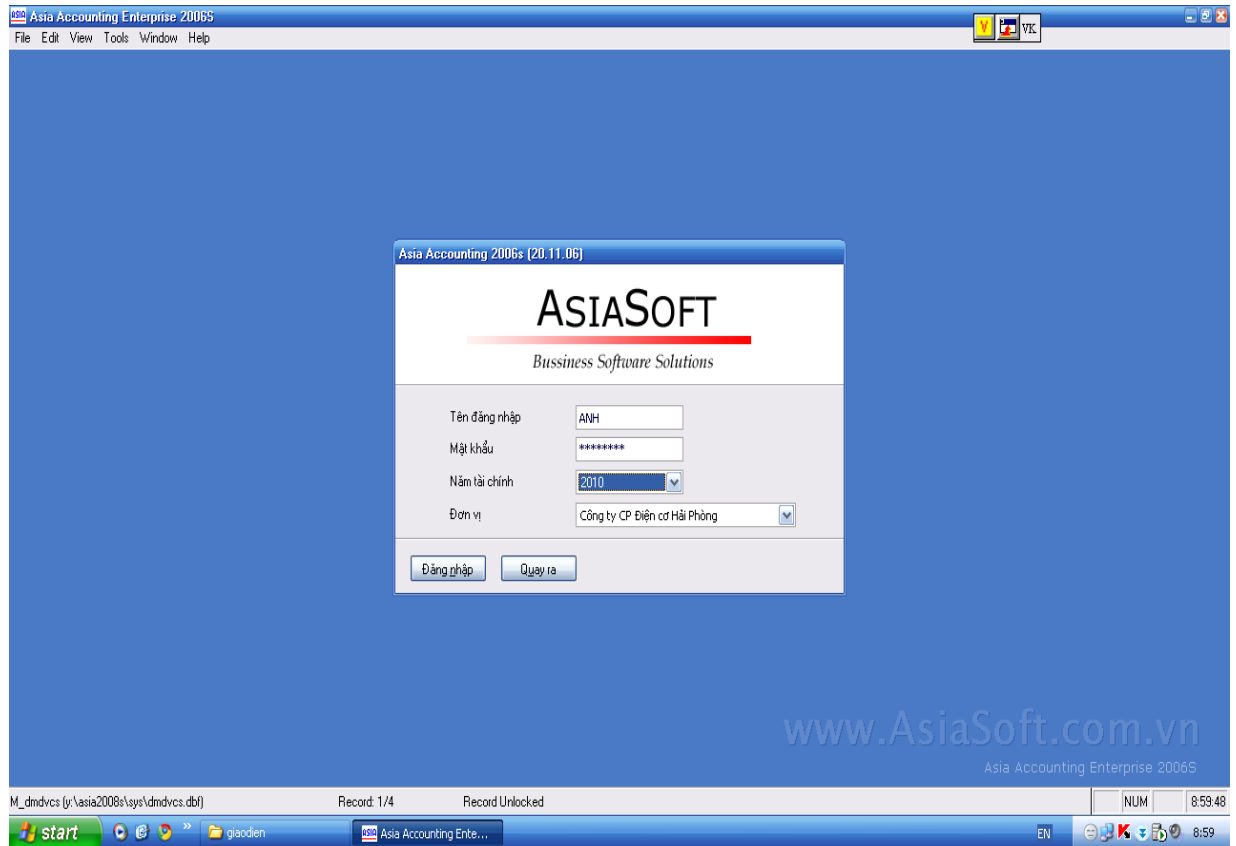
- *Đơn vị áp dụng phương pháp tính thuế GTGT* : phương pháp khấu trừ.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

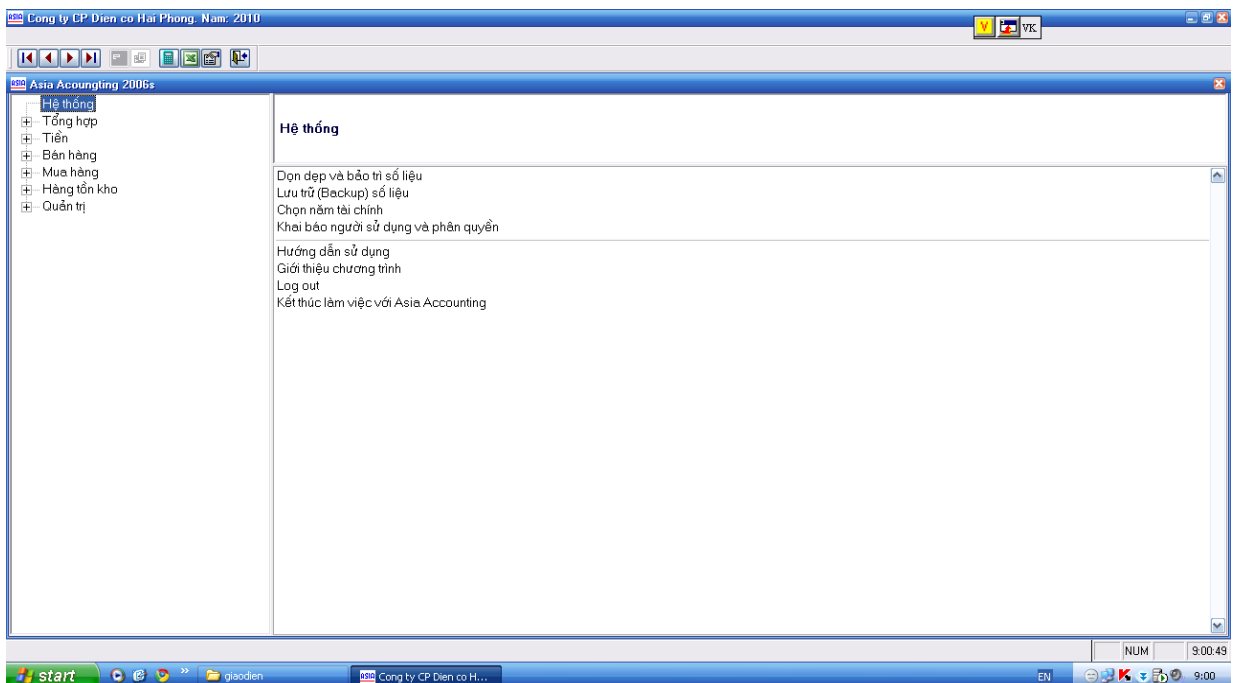
- Thực hiện trên phần mềm kế toán máy:

Bước 1: Khởi động phần mềm kế toán Asia Accounting:

Nháy đúp vào biểu tượng ASIA trên màn hình máy tính. Xuất hiện giao diện chính của phần mềm kế toán ASIA, đánh tên đăng nhập, mật khẩu:



- Sau đó hiện ra màn hình hệ thống:



Bước 2: Quy trình nhập dữ liệu:

Nháy đúp vào phần hành kế toán định làm: tổng hợp, tiền, bán hàng, mua hàng, hàng tồn kho, quản trị.

Xuất hiện màn hình nhập dữ liệu, chọn chứng từ cần nhập dữ liệu

Bước 3: Xem, in:

Khi muốn xem hoặc in bất cứ một chứng từ nào: mở mục cần in và bấm lệnh in. Để in và quay ra excel ấn F7, báo cáo nhanh, ấn excel.

2.2.THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG.

2.2.1.Đặc điểm kế toán hàng tồn kho tại Công ty.

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng thực hiện kế toán hàng tồn kho theo Chuẩn mực kế toán số 02 – hàng tồn kho theo quyết định số 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

- *Phương pháp tính giá xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm:*
Theo giá bình quân gia quyền.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân cả kỳ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* phương pháp kiểm kê định kì.

- *Kế toán chi tiết hàng tồn kho:* theo phương pháp thẻ song song.

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Theo chứng từ

2.2.1.1. Phân loại hàng tồn kho tại Công ty

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng là doanh nghiệp sản xuất nên hàng tồn kho của công ty thường gồm:

- Nguyên vật liệu: do NVL của Công ty đa dạng về chủng loại, mẫu mã nên NVL được chia thành nhiều loại khác nhau, việc phân chia dựa trên nội dung kinh tế và chức năng của nguyên vật liệu đối với phân xưởng sản xuất.

- + Nguyên vật liệu chính: Đồng, nhôm, sắt, thép,...
- + Nguyên vật liệu phụ: hạt nhựa, dây điện, vít, ...
- + Nhiên liệu: xăng dầu, đảm bảo cho máy móc hoạt động
- + Phụ tùng thay thế: ống phi nhựa, vật tư sửa chữa xe,...
- Công cụ, dụng cụ: khuôn, máy hàn,...
- Sản phẩm dở dang
- Thành phẩm: Quạt bàn, quạt treo tường, quạt trần,...

2.2.1.2. Tính giá hàng tồn kho tại Công ty.

• **Giá thực tế hàng nhập trong kỳ:**

- Đối với hàng nhập khẩu

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế các hóa đơn cước phí nhập khẩu hàng kế toán tính giá thực tế của hàng nhập khẩu theo công thức:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{hàng nhập} \\ \text{khẩu} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển lưu} \\ \text{kho bãi} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Thuế} \\ \text{nhập} \\ \text{khẩu} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \end{array}$$

- Đối với hàng mua trong nước

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế hàng} \\ \text{mua trong nước} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua ghi trên hóa} \\ \text{đơn (chưa có VAT)} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{liên quan} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \end{array}$$

- Đối với hàng luân chuyển trong nội bộ giữa các công ty giá nhập kho là giá thực tế xuất kho của hàng tồn kho ở các công ty khác chuyển sang, cuối kỳ thanh toán bù trừ lẫn nhau.

- Đối với hàng nhận gia công theo đơn đặt hàng của nước ngoài thì giá thực tế nhập kho là giá thỏa thuận của hai bên.

- Đối với phế liệu thu hồi : giá thực tế nhập kho là giá ước tính có thể sử dụng.

- **Giá thực tế hàng xuất kho.**

Tại công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá vốn thực tế hàng xuất kho.

Theo phương pháp này trị giá thực tế hàng xuất kho được tính trên cơ sở số lượng xuất kho và đơn giá bình quân của hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ.

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Phần mềm kế toán máy sẽ tự động tính đơn giá bình quân này cho từng loại hàng tồn kho khi kế toán nhập đầy đủ số lượng xuất. Còn trị giá thực tế xuất kho là do máy tính tự động tính vào thời điểm cuối kỳ.

2.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết hàng tồn kho tại Công ty.

2.2.2.1. Kiểm tra số lượng, chất lượng hàng tồn kho và phân công quản lý.

Trước khi hàng đưa vào nhập kho đều phải qua sự kiểm tra tỉ mỉ và chính xác của bên kiểm tra vật tư phòng kế hoạch - vật tư. Hàng sau khi kiểm tra xong sẽ được lập biên bản kiểm nghiệm về số lượng và chất lượng, sau đó nhập kho.

Để quản lý hàng tồn kho có hiệu quả, hàng tồn kho được chia ra như sau :

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho sản xuất : do phòng kế hoạch vật tư quản lý.
- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho hành chính : do phòng tổ chức hành chính quản lý.
- Thành phẩm do phòng tiêu thụ sản phẩm quản lý.

2.2.4.2. Thủ tục nhập – xuất kho.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá thủ kho viết phiếu nhập kho, phiếu nhập kho gồm 3 liên:

1 liên: lưu tại kho

1 liên: Giao cho người giao hàng

1 liên : Giao cho thủ kho để ghi thẻ kho, rồi chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Căn cứ vào tình hình sản xuất và nhu cầu của khách hàng, kế toán căn cứ vào giấy đề nghị cấp vật tư và hoá đơn bán hàng để lập Phiếu xuất kho, gồm 3 liên:

1 liên: Lưu tại phòng kế toán

1 liên: Giao cho thủ kho

1 liên :Giao cho người nhận hàng.

2.2.4.3. Phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho tại Công ty.

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song, thực hiện kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trong việc quản lý hàng tồn kho.

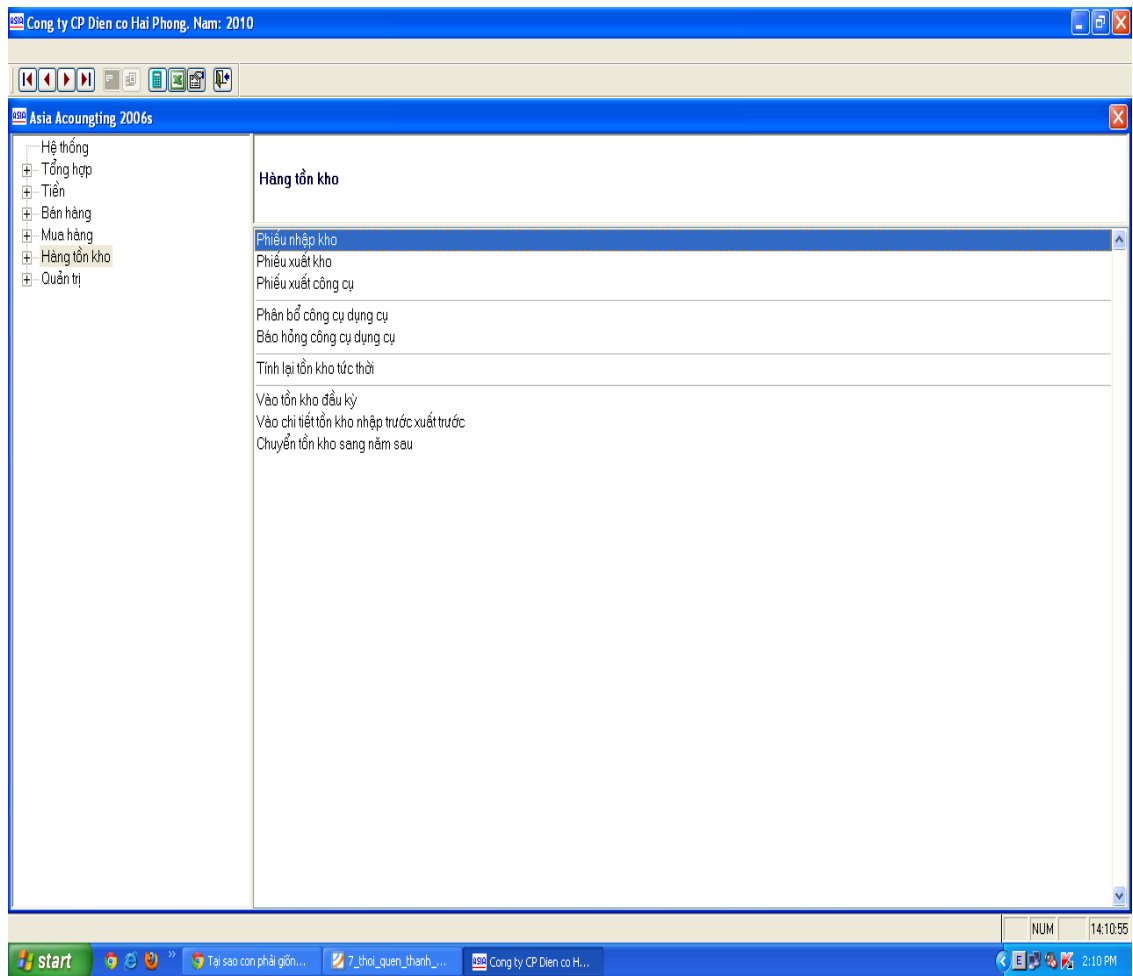
-Tại kho: Hàng ngày căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất thủ kho thực hiện nhập xuất vật tư và ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho của vật tư tương ứng. Cuối ngày, thủ kho tính ra số tồn kho của từng loại vật tư và ghi vào cột tồn của thẻ kho để đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán.

- Tại phòng kế toán: Kế toán phải theo dõi tình hình nhập xuất hàng tồn kho trên cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Hàng ngày kế toán tập hợp các chứng từ nhập xuất và tiến hành nhập từng nghiệp vụ vào máy tính.

- **Kế toán chi tiết hàng nhập kho .**

Tại màn hình giao diện chính, chọn mục hàng tồn kho xuất hiện các chứng từ có liên quan đến phần hành hàng tồn kho. Kế toán chọn phiếu nhập. Kế toán tiến hành điền các thông tin cần thiết.

Biểu 2.1: Giao diện hàng tồn kho (Phiếu nhập)



Ví dụ 1: Ngày 24/12/2010 Công ty nhập kho dây Emay 0,15 mm + 0,17 mm mua của Công ty TNHH Đồng Kỹ thuật KOREA Việt Nam theo hóa đơn số 77641 ngày 18/12/2010.

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 77641(Dây Emay)

HÓA ĐƠN					Mẫu số 01 GTKT-3LL				
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					PU/2010B				
Liên 2: Giao khách hàng					0077641				
Ngày 18 tháng 12 năm 2010									
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Công Nghệ Kỹ thuật KOREA Việt Nam.									
Địa chỉ : Khu CN Đồng Văn – Huyện Duy Tiên – Tỉnh Hà Nam									
Số tài khoản :									
Điện thoại : 0351. 3577001 MST:									
0	7	0	0	2	5	0	7	9	9
Họ tên người mua hàng:									
Tên đơn vị : Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng									
Địa chỉ : 734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng									
Số tài khoản:									
Hình thức thanh toán : CK MST:									
0	2	0	0	5	8	0	1	1	8
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền				
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2				
1	Dây Emay 0,17 mm	Kg	1.504,9	192.508,9999	289.706.794				
2	Dây Emay 0,15 mm	Kg	1.896,64	194.576,9999	369.042.521				
					Cộng tiền hàng : 658.749.315				
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:		65.874.932			
					Tổng cộng tiền thanh toán: 724.624.247				
Số tiền viết bằng chữ: (Bảy trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng chẵn)									

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--	---

Biểu 2.3: Phiếu nhập kho Dây EMAY

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT

734 Nguyễn Văn Linh - Niệm Nghĩa – Lê Chân - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 432

Ngày 24 tháng 12 năm 2010

Họ và tên người giao hàng: Cty TNHH Đồng Kỹ thuật KOREA VN

Theo HĐ 77641 ngày 18/12/2010.....

Nhập tại kho: KVT.....

Nợ	Có
1521	331

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm, vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Dây Emay 0,17 mm	Kg	1504,9	192.508,9999	289.706.794	
2	Dây Emay 0,15 mm	Kg	1896,64	194.576,9999	369.042.521	
	Cộng		3401,54		658.749.315	

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Sáu trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng.*

Nhập, ngày 24 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2010 Công ty nhập kho 174 ống QTG thường 600 Thô, 3.925 lõi quấn dây điện do Công ty tự chế tạo.

Phòng kế hoạch – vật tư tiến hành kiểm nghiệm vật tư, sau đó thủ kho căn cứ vào biên bản kiểm nghiệm rồi viết phiếu nhập kho.

Biểu 2.4: Phiếu nhập kho ống QTG thường 600 Tho

Phiếu nhập kho

Loại phiếu nhập: 2 Số pn: 12
Mã khách: NVD Nguyễn Việt Dũng Ngày pn: 31/12/2010
Địa chỉ: Tỷ giá: VND 1,00
Người giao hàng: Anh Dũng Mã kho nhập: KBTP
Diễn giải: Nhập hàng thanh toán lương T12/2010

Nhập theo giá TB cho VT tính giá TB F4-Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-F4 khởi chi tiết hạch toán

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Tiền VND	Tk nợ	Tk có	Vụ
LKQTG27	ống QTG thường 600 Tho	Cái		174,000	8 000,000	1 392 000	1522	154	
PT25	Lõi quấn dây điện từ loại I Cái			3 925,000	16 465,000	64 625 125	1522	154	

Số lượng: 145 559,000 Tiền hàng: 248 580 390

Vành lồng B400

Lưu Mới In chữ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

www.AsiaSoft.com.vn

K_ctmp (c:\temp_product\k_ctmp.dbf) Record: 103/113 Exclusive NUM 8:55:43

Ví dụ 3 : Ngày 23/12/2010 Công ty mua của cuốn đồng bộ của Công ty TNHH Đồng Lực với giá 21.808.660 (chưa có thuế GTGT). Công ty chưa thanh toán.

Biểu 2.5: Hoá đơn GTGT số 8315(Cửa cuốn)

HÓA ĐƠN					Mẫu số 01 GTKT-3LL	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					QH/2010B	
Liên 2: Giao khách hàng					0008315	
Ngày 23 tháng 12 năm 2010						
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Đồng Lực						
Địa chỉ : Số 185 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng						
Số tài khoản :						
Điện thoại : 0313.735.034. MST:						
0	2	0	0	4	0	6 7 0 8
Họ tên người mua hàng:						
Tên đơn vị : Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng						
Địa chỉ : 734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng						
Số tài khoản:						
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản MST:						
0	2	0	0	5	8	0 1 1 8
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2	
1	Cửa cuốn đồng bộ (19.912m ² + mô tơ + khóa gang)	Bộ	1	21.808.660	21.808.660	
				Cộng tiền hàng :		21.808.660
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.180.866	
				Tổng cộng tiền thanh toán: 23.989.536		
Số tiền viết bằng chữ: (Hai mươi ba triệu chín trăm tám chín nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng)						

Ngày 08/12/2010 hàng được chuyển tới công ty, sau khi kiểm tra số lượng, chất lượng,... thì tiến hành nhập kho. Đồng thời lập phiếu nhập kho.

Biểu 2.6: Biên bản kiểm nghiệm cửa cuốn

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số 03 – VT

734 Nguyễn Văn Linh- Niệm Nghĩa- Lê Chân- HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ, CCDC, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Ngày 23 tháng 12 năm 2010

Số: 4124

Căn cứ hóa đơn GTGT số 8315 ngày 23/12/2010 giữa Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng và Công ty TNHH Đồng Lực.

Biên bản kiểm nghiệm gồm:

Ông: Hoàng Thanh Hải (Phòng kế hoạch – vật tư : Trưởng ban)

Bà: Nguyễn Thị Lan (Phòng tài chính – kế toán : Ủy viên)

Bà: Trần Ngọc Phương (Thủ kho : Ủy viên)

STT	Tên mặt hàng, quy cách	ĐVT	Số lượng			Nhận xét
			Theo chứng từ	Thực nhập	Đúng quy cách	
1	Cửa cuốn đồng bộ (19.912m ² + mô tơ + khóa gang)	Bộ	1	1	1	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng mua đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

Đại diện

Thủ kho

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, Họ tên)

Biểu 2.7: Phiếu nhập kho cửa cuốn

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT

734 Nguyễn Văn Linh - Niệm Nghĩa – Lê Chân - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 429

Ngày 23 tháng 12 năm 2010

Họ và tên người giao hàng: Công ty TNHH Đồng Lực

Theo HĐ 8315 ngày 23/12/2010.....

Nhập tại kho: KVT.....

Nợ	Có
153	331

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm, vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Cửa cuốn đồng bộ (19.912m ² + mô tơ + khóa gang)	Bộ	1	21.808.660	21.808.660	
	Cộng		1		21.808.660	

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi một triệu tám trăm linh tám nghìn sáu trăm sáu mươi đồng

Nhập, ngày 23 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Phụ trách cung
tiêu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Ví dụ 4: Ngày 31/12/2010 nhập kho thành phẩm từ tổ lắp ráp 1(Tổ Toàn) để tính lương tháng 12/2010.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Trước khi thành phẩm được nhập kho thì phải được phòng kỹ thuật KCS kiểm tra chất lượng. Căn cứ vào phiếu nghiệm thu sản phẩm thì kho viết phiếu nhập kho sau đó chuyển lên phòng kế toán để vào phần mềm.

Biểu 2.8: Phiếu nghiệm thu sản phẩm

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

PHIẾU NGHIỆM THU SẢN PHẨM

(Nội bộ)

Tổ: Lắp ráp I – Phân xưởng lắp ráp

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Quạt treo 450	Cái	2.000	Đ/cơ px (k/tuốc năng, k/tụ)
2	Quạt đứng 450	Cái	1.000	Đ/cơ px (có tuốc năng, k/tụ)
3	Quạt rút 400ĐJ	Cái	1.000	Đ/cơ px (k/tuốc năng, k/tụ)
	Cộng		4.000	

Hải Phòng ngày 31 tháng 12 năm 2010

QUẢN ĐỐC PX LẮP RÁP

PHÒNG KCS

Vũ Duy Anh

Biểu 2.9: Phiếu nhập kho số 29M

Phiếu nhập kho

Loại phiếu nhập 2 Số pn 29 M

Mã khách LR1 Tổ lắp ráp 1 (Tổ Toàn) Ngày pn 31/12/2010

Địa chỉ PKLR Tỷ giá VND 1,00

Người giao hàng Ông Toàn Mã kho nhập KTP151

Diễn giải Tổ LRI (Ông Toàn) Nhập ăn lương tháng 12/2010

Nhập theo giá TB cho VT tính giá TB F4-Thêm dòng mới, F8/Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Tiền VND	Tk ngr	Tk có	Vũ
QT450	Quạt treo công nghiệp 450	Cái		2 000,000	190 472,000	380 944 000	155	154	
QR400U	Quạt rút 400EU	Cái		1 000,000	169 896,000	169 896 000	155	154	
QD450	Quạt đứng công nghiệp 4	Cái		1 000,000	232 465,000	232 465 000	155	154	

Số lượng 4 000,000 Tiền hàng 793 305 000

Lưu Mới In chữ Sửa Xóa Xem In Quay ra

www.AsiaSoft.com.vn

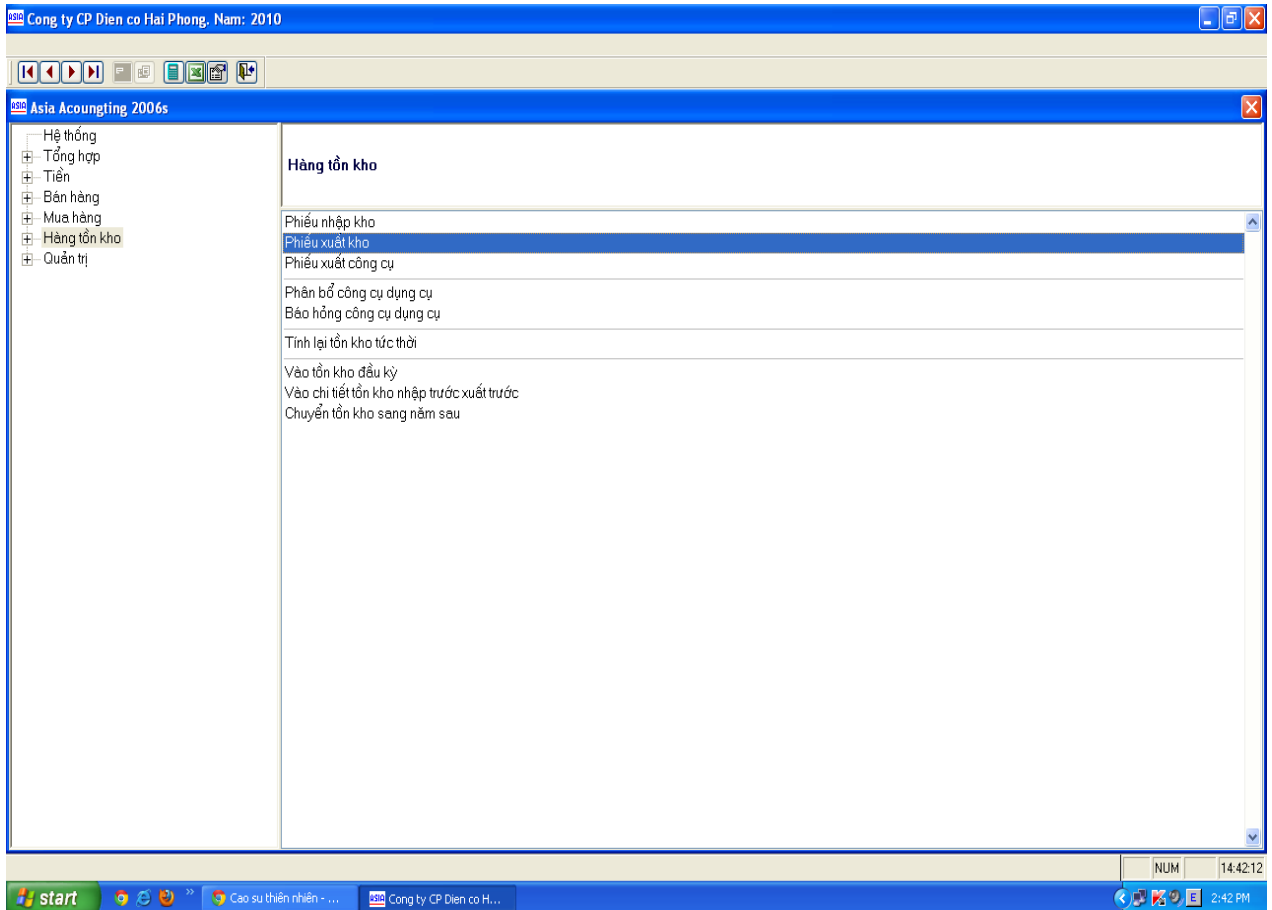
K_phmp (c:\temp_product\k_phmp.dbf) Record: 1/5 Exclusive NUM 14:46:34

start Vi Ngọt Đồi Mối - Th... Yahoo! Messenger Bạn có tin nhắn mới ... nga Microsoft Excel Cong ty CP Dien co ... 2:46 PM

- **Kế toán chi tiết hàng xuất kho.**

Tại màn hình giao diện chính, chọn mục hàng tồn kho xuất hiện các chứng từ có liên quan đến phân hành hàng tồn kho. Kế toán chọn phiếu xuất. Kế toán tiến hành điền các thông tin cần thiết.

BIỂU 2.10: Giao diện hàng tồn kho (phiếu xuất)



Ví dụ 5: Ngày 03/12/2010 xuất kho 100 vòng bi 6023 cho anh Phòng ở tổ lắp ráp theo giấy đề nghị cấp vật tư.

Căn cứ vào yêu cầu vật tư cần thiết để sản xuất, tổ lắp ráp gửi giấy đề nghị cấp vật tư lên phòng vật tư. Sau khi phòng kế hoạch - vật tư xem xét và duyệt y, kế toán căn cứ vào giấy đề nghị cấp vật tư xuất vật tư theo yêu cầu.

Biểu 2.11: Giấy đề nghị cấp vật tư (Vòng bi 62030)

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

734 Nguyễn Văn Linh - Niệm Nghĩa – Lê Chân - HP

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Bộ phận yêu cầu: **Tổ lắp ráp**

Số phiếu: 156

Bộ phận nhận yêu cầu: **Phòng Kế hoạch – Vật tư**

Lần yêu cầu:

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

STT	Tên, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Vòng bi 6203	Vòng	100	

Người đề nghị

Kế toán

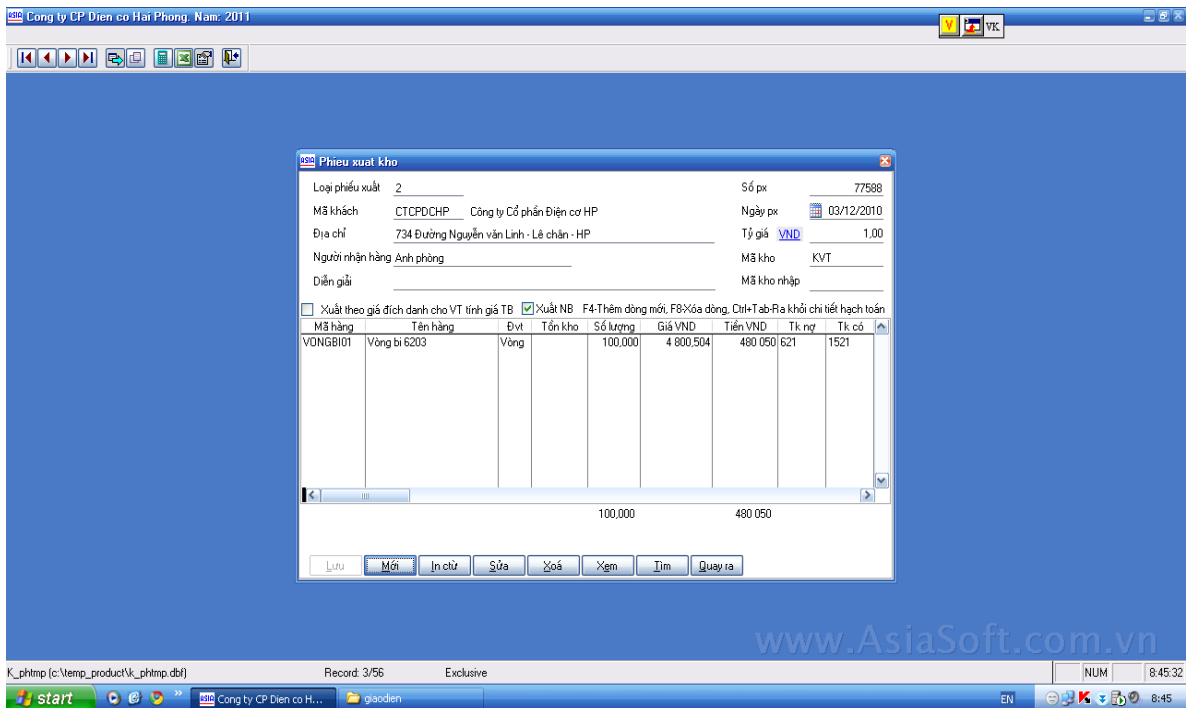
Người duyệt

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.12: Phiếu xuất kho vòng bi 6203 số 77588



Ví dụ 6: Ngày 14/12/2010 Công ty xuất bán 2400 lõi quấn dây điện từ loại to (PT 25) cho Công ty TNHH Đồng Kỹ thuật KOREA Việt Nam.

Sinh viên: **Lê Thị Hồng Liên – Lớp QTL301K – ĐHDL Hải Phòng**

Biểu số 2.13: Hoá đơn GTGT số 24730

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lru Ngày 14 tháng 12 năm 2010					Mẫu số 01GTKT3/001 QH/2010B 0024730																			
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng Địa chỉ : 734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa - Lê Chân – Hải Phòng Số tài khoản : <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>0</td><td>1</td><td>1</td><td>8</td><td>—</td><td>—</td><td>—</td><td>—</td> </tr> </table> Điện thoại : 0313. 783.328 MST:											0	2	0	0	5	8	0	1	1	8	—	—	—	—
0	2	0	0	5	8	0	1	1	8	—	—	—	—											
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị : Công ty TNHH Đồng Kỹ Thuật KOREA Việt Nam Địa chỉ : KCN Đồng Văn – Huyện Duy Tiên – Tỉnh Hà Nam Số tài khoản: Hình thức thanh toán : MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>7</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>5</td><td>0</td><td>7</td><td>9</td><td>9</td><td>—</td><td>—</td><td>—</td><td>—</td> </tr> </table>											0	7	0	0	2	5	0	7	9	9	—	—	—	—
0	7	0	0	2	5	0	7	9	9	—	—	—	—											
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																			
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2																			
1	Lỗi quần dây điện từ loại to (P25)	Cái	2400	23.000	55.200.000																			
					Cộng tiền hàng : 55.200.000																			
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 5.520.000																				
Tổng cộng tiền thanh toán: 60.720.000																								
Số tiền viết bằng chữ: (Sáu mươi triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)																								
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)																				

Biểu 2.14: Phiếu xuất kho số 216

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

734 Nguyễn Văn Linh, Niệm Nghĩa, Lê Chân, HP

PHIẾU XUẤT KHO

Số Ctừ: 216

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

Liên 1

Người giao dịch: Nguyễn Thị Lan

Xuất tại kho: KVT

Đơn vị(Bộ phận): Cty TNHH Đồng Kỹ Thuật

Dạng nhập: giá vốn - 632

KOREA Việt Nam

Số HĐ: Ngày 14/12/2010

Diễn giải: Xuất P25 Theo HĐ24730

Ngày 14/12/2010

Tên vật tư	TK vtư	Mã vtư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Lõi quấn dây điện tử loại to	1522	P25	Cái	2400	16.646,55719	39.951.737
Cộng				2400		39.951.737

Xuất, ngày 14 tháng 12 năm 2010

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KẾ TOÁN

NGƯỜI NHẬN HÀNG

THỦ KHO

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất hàng tháng, các phân xưởng sản xuất lập “Giấy đề nghị cấp vật tư”. Giấy này ghi rõ bộ phận lĩnh, chi tiết loại vật tư, hàng hoá, số lượng. Sau khi đã thông qua phòng kế hoạch – vật tư xét thấy nhu cầu hợp lý, thủ kho sẽ viết phiếu xuất kho theo yêu cầu của phân xưởng.

Ví dụ 7: Ngày 31/12/2010 xuất CCDC cho tổ rút thép của phân xưởng cơ khí theo giấy đề nghị vật tư hàng tháng của từng phân xưởng.

Biểu 2.15: GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

734 Nguyễn Văn Linh - Niệm Nghĩa – Lê Chân -
HP

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Bộ phận yêu cầu: **Tổ rút thép**

Số phiếu: 120

Bộ phận nhận yêu cầu: **Phòng Kế hoạch – Vật tư**

Lần yêu cầu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Tên, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Công cụ dụng cụ chung	Cái	1	
2	Kìm các loại	Cái	1	
3	Dũa các loại	Cái	1	
4	Găng tay	Đôi	5	
5				

Người đề nghị

Kế toán

Người duyệt

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.16: Phiếu xuất kho số 227KVT

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

734 Nguyễn Văn Linh, Niệm Nghĩa, Lê Chân, HP

PHIẾU XUẤT KHO

Số Ctừ: 227KVT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Liên 1

Người giao dịch: Hoàng Văn Hải

Xuất tại kho: KVT

Đơn vị (Bộ phận): Tổ rút thép

Dạng nhập: chi phí SXC- 6273

Số HĐ: Ngày 31/12/2010

Diễn giải: Xuất CCDC Theo giấy đề nghị cấp vật tư Ngày 31/12/2010

Tên vật tư	TK vtư	Mã vtư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Công cụ dụng cụ chung	153	CCDC00	Cái	1	12.555	12.555
Kìm các loại	153	CCDC12	Cái	1	49.674	49.674
Dũa các loại	153	CCDC08	Cái	1	16.762	16.732
Gang tay	153	CDBL43	Đôi	5	4.071	20.357
Cộng				8		99.348

Xuất, ngày 31 tháng 12 năm 2010

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

NGƯỜI NHẬN HÀNG

(Ký, họ tên)

THỦ KHO

(Ký, họ tên)

Ví dụ 8: Ngày 05/12/2010 xuất quạt treo công nghiệp 450 và quạt đứng công nghiệp 450 cho cửa hàng 20 Đình Tiên Hoàng.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Tại màn hình giao diện chính, vào phân hệ **Bán hàng** sẽ xuất hiện các chứng từ liên quan đến phần bán hàng. Kế toán chọn mục **Số liệu/ Hóa đơn bán hàng**, ấn mới tạo một chứng từ mới. Kế toán tiến hành điền các thông tin.

Sau đó thủ kho căn cứ vào hoá đơn xuất hàng. tại phần mềm hoá đơn bán hàng chính là hoá đơn GTGT. Phòng tiêu thụ sản phẩm viết hoá đơn GTGT, liên 2 giao cho khách hàng, đồng thời nhập các số liệu vào hoá đơn bán hàng trong phần mềm.

Biểu 2.17: Hóa đơn bán hàng số 6372

The screenshot shows a software window titled "Hóa đơn bán hàng" (Sales Invoice) for the company "Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng, Nam: 2011". The interface includes a header section with fields for customer information (Mã khách: 200TH, Cửa hàng: 20 ĐTH), dates (Ngày ghi số: 05/12/2010, Ngày lập: 05/12/2010), and other details like "Số hóa đơn" (6372) and "Số seri" (ME/2010B). Below this is a table of items:

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Tồn kho	Số lượng	Giá bán VND	Thành tiền VND	Giá vốn VND	Tiền vốn	Tiền hàng	Tiền thuế	Tổng TT
QT450	Quạt treo công nghiệp 450 Cái	Cái		21,000	250 000,000	5 250 000,000	174,923,951	673,511			
QD450	Quạt đứng công nghiệp 45 Cái	Cái		10,000	300 000,000	3 000 000,000	377,944,2	303 779,511			

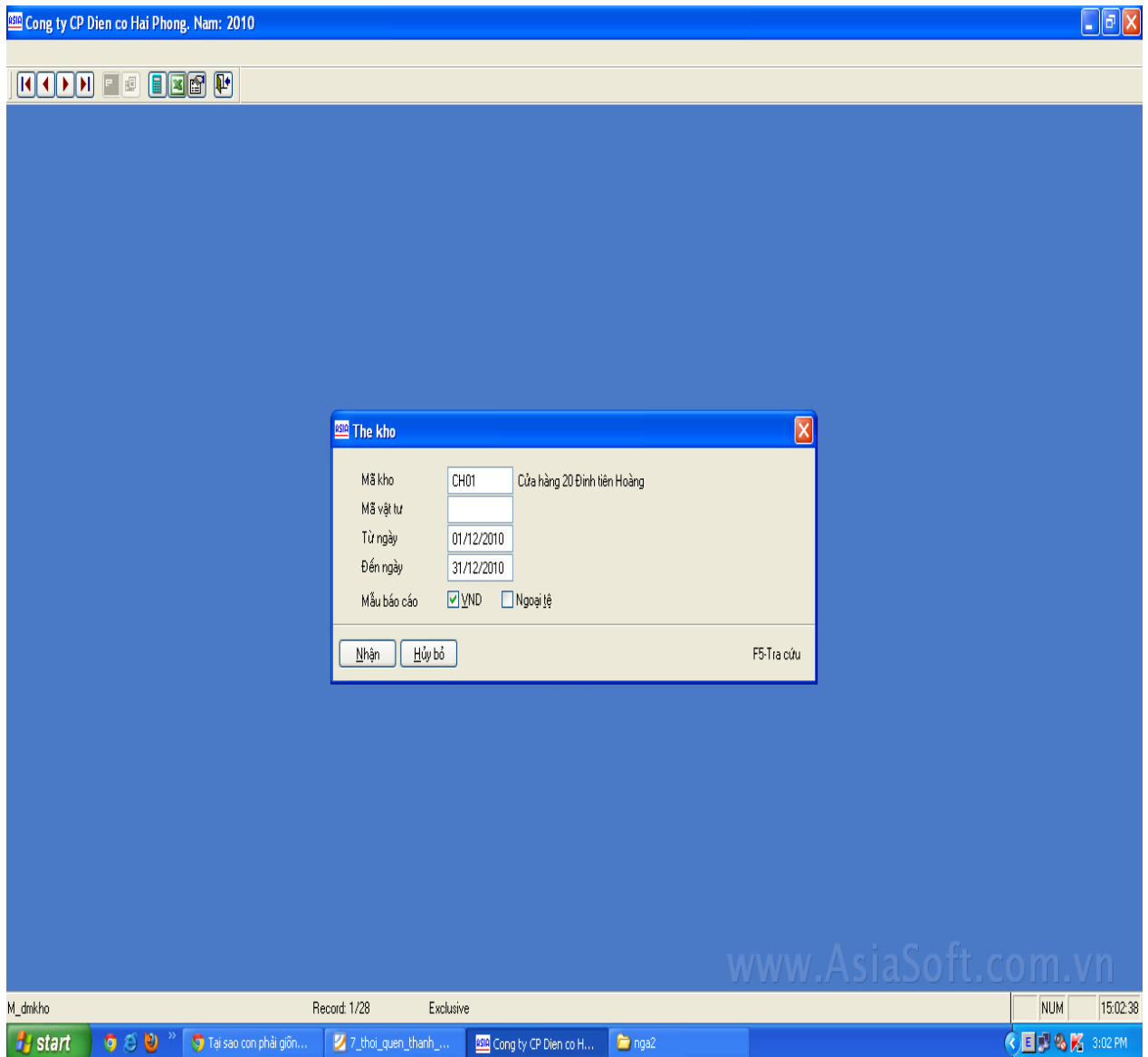
Summary statistics at the bottom of the window:

Số lượng	31,000	Tiền vốn	6 255 452	Sửa HT thuế	<input type="checkbox"/>		
Tiền hàng	8 250 000	Tiền thuế	825 000	Sửa tiền thuế	<input type="checkbox"/>		
Mã thuế	10	10% Tk thuế	131 / 33311	Tiền thuế	825 000	Sửa ck	<input type="checkbox"/>
Tổng TT	9 075 000	Hạn TT	0				

Buttons at the bottom include "Lưu", "Mới", "In chữ", "Sửa", "Xóa", "Xgmn", "Tm", and "Quay ra". The footer shows the file path "K_phtmlp [c:\vemp_product\k_phtmlp.dbf]", record information "Record: 1/206 Exclusive", and the time "10:02:54".

Từ các phiếu nhập, phiếu xuất thủ kho ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho. Đồng thời tại phòng kế toán máy tính sẽ tự động vào sổ chi tiết 152, 153, 154, 155, bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn,... Từ phân hệ hàng tồn kho chọn **danh mục/thẻ kho (số chi tiết một vật tư)**.

Biểu 2.18: Giao diện thẻ kho



Căn cứ vào phiếu nhập kho số 12 và phiếu xuất kho số 216 thủ kho viết thẻ kho cho lõi quản dây điện tử loại to.

Biểu 2.19: Thẻ kho PT25

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN

Tên kho: KVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2010.

Mã số: PT450

Tên hiệu quy cách vật tư, hàng hoá: Lõi quấn dây điện từ loại to

Đơn vị tính: Cái

Ngày _ct	Mã _ct	Số_c t	Mã_kh	Tên khách hàng	Diễn giải	Mã_ NX	Giá	SL_nhập	Tiền_nhập	SL_xuất	Tiền_xuất	Mã_ vv	Mã_ct
					Tồn đầu kỳ			1.301	23.270.125				
					Nhập trong kỳ			8.884	146.275.060				
					Xuất trong kỳ					10.185	169.545.185		
					Cuối kỳ			0	0				
...
14/12	PX	216	CTKOREA	Cty TNHH Đồng KT Korea VN	Xuất bán theo HD 24730	632	16.646,557			2400	39.951.737		PXF
18/12	PX	231	CTKOREA	Cty TNHH Đồng KT Korea VN	Xuất bán theo HD 24746	632	16.646.557			2590	43.114.583		PXF
31/12	PN	12	NVD	Nguyễn Việt Dũng	Nhập kho TT lương T12	154	16.465	3.925	64.625.125				PNF
...

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Căn cứ vào hoá đơn bán hàng số 6372 vào thẻ kho quạt treo CN 450, quạt đứng CN 450

Biểu 2.20: Thẻ kho QT450

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN

Tên kho: CH01

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2010.

Mã số: QT450

Tên hiệu quy cách vật tư, hàng hoá: Quạt treo công nghiệp 450

Đơn vị tính: Cái

Ngày_ ct	Mã _ct	Số_ct	Mã_kh	Tên khách hàng	Diễn giải	Mã_NX	Giá	SL_nhập	Tiền_nhập	SL_xuất	Tiền_xuất	Mã_vv	Mã_ct
					Tồn đầu kỳ			621	115.742.734				
					Nhập trong kỳ								
					Xuất trong kỳ					602	113.281.305		
					Cuối kỳ			19	2.461.469				
01/12	HD	06368	20DTH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	188.174,923			10	1.881.749	CH01	HDB
01/12	HD	06370	20DTH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	188.174,923			5	940.875	CH01	HDB
05/12	HD	06372	20DTH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	188.174,923			21	3.951.673	CH01	HDB
...

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.21: Thẻ kho QD450

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN

Tên kho: CH01

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2010.

Mã số: QD450

Tên hiệu quy cách vật tư, hàng hoá: Quạt treo công nghiệp 450

Đơn vị tính: Cái

Ngày _ct	Mã_ct	Số_ct	Mã_kh	Tên khách hàng	Diễn giải	Mã_NX	Giá	SL_nhập	Tiền_nhập	SL_xuất	Tiền_xuất	Mã_vv	Mã_ct
					Tồn đầu kỳ			385	87.913.783				
					Nhập trong kỳ								
					Xuất trong kỳ					356	82.014.548		
					Cuối kỳ			29	5.899.235				
05/12	HD	06372	20DTH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	230.377,944			10	2.303.779	CH01	HDB
05/12	HD	06373	20DTH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	230.377,944			8	1.843.024	CH01	HDB
15/12	HD	24753	20DTH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	230.377,944			10	2.303.779	CH01	HDB
18/12	HD	24756	20DTH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	230.377,944			1	230.378	CH01	HDB
...

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Căn cứ phiếu nhập số 429, vào thẻ kho

Biểu 2.22: Thẻ kho CUACUON

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN

Tên kho: KVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2010.

Mã số: CUACUÔN

Tên hiệu quy cách vật tư, hàng hoá: Cửa cuốn

Đơn vị tính: Cái

Ngày_ ct	Mã _ct	Số_ct	Mã_kh	Tên khách hàng	Diễn giải	Mã_N X	Giá	SL_ nhập	Tiền_ nhập	SL_ xuất	Tiền_ xuất	Mã_ vv	Mã_ct
					Tồn đầu kỳ			65,98	53.327.000				
					Nhập trong kỳ			1	21.808.660				
					Xuất trong kỳ								
					Cuối kỳ			66,98	75.135.660				
23/12	PN	429	CTDL	Cty TNHH Đồng Lực	Mua theo hoá đơn 8315	331	21.808.660	1	21.808.660				PNF
...

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.23: Sổ chi tiết TK 1521

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu S10 – DN

734 Nguyễn Văn Linh- Niệm Nghĩa- Lê Chân- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)
Tài khoản: 1521

(Trích từ 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010)

Ngày_ ct	Mã_ ct	Số_ ct	Mã_ kh	Tên khách hàng	Diễn giải	TK_ dư	PS_ nợ	PS_ có	Số_ dư	Mã_ vv	Mã_ phí	Mã_ spct	Mã_ ct
					Dư đầu		3.162.373.716						
					Tổng phát sinh		5.200.906.987	7.925.766.149					
					Dư cuối		437.514.554						
03/12	PX	77588	CTCPDCHP	Cty CP Điện Cơ Hải Phòng		621	0	480.050	3.161.893.666				PXA
...
24/12	PN	432	CTKOREA	Cty TNHH Đồng kỹ thuật KOREA VN	Mua dây Emay 0,15mm +0,17mm theo HD 77641	331	658.749.315	0	5.293.513.015				PNA
27/12	PN	434	DNBC	DNTN Bảo Châu	Mua thép D8 LD thép1 ly, thép D10-D18 LD theo HD 74070	331	24.436.371	0	5.317.949.386				PNA
...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.24: Sổ chi tiết 1522.

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu S10 – DN

734 Nguyễn Văn Linh- Niệm Nghĩa- Lê Chân- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 1522

(Trích từ 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010)

Ngày_ ct	Mã_ ct	Số_ct	Mã_kh	Tên khách hàng	Diễn giải	TK_ đư	PS_nợ	PS_có	Số_đư	Mã_ vv	Mã_ phí	Mã_ spct	Mã_ct
					Đư đầu		9.526.770.695	0					
					Tổng phát sinh		11.103.039.579	8.756.682,690					
					Đư cuối		11.873.127.584	0					
...
14/12	HD	24729	CTQD	Cty TNHH MTV Quang điện-Điện tử		632	0	35.050.409	9.796.898.048	CT			HDT
14/12	PX	216	CTKOREA	Cty TNHH Đồng KT KOREA VN	PT 25	632	0	39.951.737	9.756.946.311	CT			PXF
...
31/12	PN	12	NVD	Nguyễn Việt Dũng	Nhập TT lương T12/2010	154	248.580.390	0	16.295.692.396				PND
31/12	PN	01QT	CTCPDCHP	Cty CP Điện Cơ HP	Nhập lượng bán theo bộ LKQH	154	2.486.727.305	0	18.782.419.701				PND
...

Biểu 2.25: Sổ chi tiết TK153

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu S10 – DN

734 Nguyễn Văn Linh- Niệm Nghĩa- Lê Chân- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản:153

(Trích từ 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010)

Ngày_ ct	Mã_ ct	Số_ ct	Mã_ kh	Tên khách hàng	Diễn giải	TK_ dur	PS_ nợ	PS_ có	Số_ dur	Mã_ vv	Mã_ phí	Mã_ spct	Mã_ ct
					Dư đầu		336.012.127						
					Tổng phát sinh		50.431.910	21.173.223					
					Dư cuối		365.270.814						
08/12	PN	408	PXCK2	Phân xưởng cơ khí	Gia công chế tạo khuôn dập theo BB nghiệm thu+ GĐNTT 6/12	3341	1.500.000	0	337.512.127				PNA
23/12	PN	429	CTDL	Cty TNHH Đồng Lực	Mua cửa cuốn đồng bộ theo HD8315 ngày 23/12	331	21.808.660	0	359.320.787				PNA
...
31/12	PX	227KVT	TRT	Tổ rút thép	Lĩnh vật tư T12/2010 Tổ rút thép	6273	0	99.348	368.347.050				PXA
31/12	PX	228KVT	PKD	Phòng tiêu thụ	Lĩnh vật tư T12/2010 phòng tiêu thụ	6273	0	247.114	368.099.936				PXA
...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.26: Sổ chi tiết TK 155

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu S10 – DN

734 Nguyễn Văn Linh- Niệm Nghĩa- Lê Chân- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản:155

(Trích từ 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010)

Ngày_ ct	Mã_ ct	Số_ ct	Mã_ kh	Tên khách hàng	Diễn giải	TK_ đư	PS_ nợ	PS_ có	Số_ đư	Mã_ vv	Mã_ phí	Mã_ spct	Mã_ ct
					Dư đầu		21.805.918.271	0					
					Tổng phát sinh		7.466.147.263	6.889.330.808					
					Dư cuối		22.382.734.726	0					
05/12	HD	06372	20DTH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	632	0	6.255.452	21.438.975.328	CH01			HDB
05/12	HD	06373	20DTH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	632	0	1.843.024	21.437.132.304	CH01			HDB
...
31/12	PN	08QT	CTCPDCHP	Cty CP Điện Cơ HP	Nhập TP quạt CN theo lượng bán – Xuất LK QCN	154	2.872.085.003	0	23.913.284.477				PND
31/12	PN	29 M	LR1	Tổ lắp ráp(Tổ Toàn)	Tổ LRI(Ông Toàn) nhập ăn lương T12	154	783.305.000	0	24.696.589.477				PND
...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.27: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN

(Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010)

STT	Mã_vt	Tên_vt	ĐVT	Tồn_đầu	Dư_đầu	Sl_nhập	Tiền_nhập	Sl_xuất	Tiền_xuất	Tồn_cuối	Dư_cuối
	BTP	Nhóm bán thành phẩm		9.553.269,7	6.711.223.570	2.933.826	10.883.610.155	2.684.407	8.927.959.011	9.802.688,7	8.666.874.714
	BTPCHUNG	Nhóm bán thành phẩm dùng chung		1.215.771,2	3.264.391.374	573.917	1.344.120.675	645.106	1.757.703.134	1.144.582,20	2.850.808.915
1	BTPCHUNG05	Cánh 300 AS	Cái	404	2.746.861	0	0	187	1.271.443	217	1.475.418
...
	QDUNG	Nhóm quạt đứng		13.272	3.212.989.417	2.019	470.354.619	2.301	559.687.864	12.990	3.123.656.172
477	QD450	Quạt đứng công nghiệp 450	Cái	8.382	1.926.851.714	2.007	466.544.733	857	197.433.892	9.532	2.195.962.555
478	QD450Z	Quạt đứng 450 Ziplai	Cái	296	44.830.088	0	0	296	44.830.088	0	0
...
525	QT450	Quạt treo công nghiệp 450	Cái	167	1.341.756.165	3.003	571.982.822	1.418	266.832.038	8.752	1.646.906.949
...
	CCDC	Nhóm công cụ dụng cụ		-322,455	225.814.522	1.786,5	49.873.910	1.172,6	20.567.634	291,45	255.120.798
676	CCDC00	Công cụ dụng cụ dùng chung	Cái	-3	-697.446	13	823.000	10	125.554	0	0
682	CCDC08	Dũa các loại	Cái	-4	-124.953	8	192.000	4	67.047	0	0

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

692	CCDC12	Kìm các loại	Cái	-3	-195.537	20	1.040.000	17	844.463	0	0
725	CDBL43	Găng tay	Đôi	-260	-1.097.337	494	2.154.000	234	1.056.663	0	0
...
730	CUACUON	Cửa cuốn	Bộ	65,98	53.327.000	1	21.808.660	0	0	66,98	75.135.660
...
	XANG	Nhóm nhiên liệu xăng dầu		1.108	112.389.062	5.855	113.782.487	4.986,5	164.918.069	1.976,50	61.253.480
....
	DEMAY	Nhóm vật liệu chính: Dây Emay		233,67	-91.378.463	3403,54	659.189.315	3.402,54	550.103.067	234,67	17.707.785
817	DEMAY03	Dây Emay 0,17	kg	0	-52.410.613	1504,9	289.706.794	1.504,9	237.296.181	0	0
818	DEMAY04	Dây Emay 0,21	kg	112,51	7.006.862	0	0	0	0	112,51	7.006.862
819	DEMAY05	Dây Emay 0,18	kg	63,28	5.648.425	0	0	0	0	63,28	5.648.425
820	DEMAY06	Dây Emay 0,16	kg	0	1	0	0	0	1	0	0
821	DEMAY08	Dây Emay 0,15	kg	0	-56.371.091	1.896,64	369.042.521	1.896,64	312.671.430	0	0
...
	VONGBI	Nhóm vật liệu chính: Vòng bi		28.334	1.895.813	12	580.000	6.226	1.679.750	22.120	796.063
880	VONGBI01	Vòng bi 6203	Vòng	220	1056112	0	0	220	1056112	0.00	0.00
...

2.2.3. Tổ chức kế toán tổng hợp hàng tồn kho

Kế toán tổng hợp hàng tồn kho là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập xuất hàng tồn kho thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác kế toán tổng hợp hàng tồn kho, hiện nay Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để ghi chép các nghiệp vụ nhập xuất tồn trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho.

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng mua bán, Phiếu xuất kho, nhập kho,...

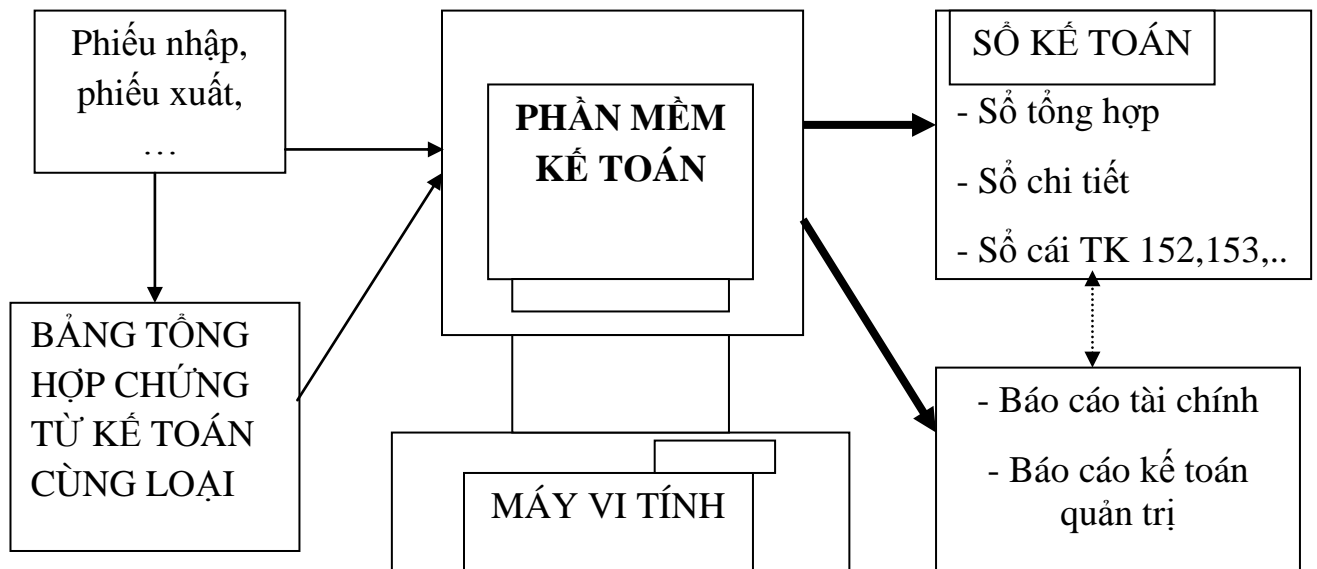
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

- **TK 152: Nguyên vật liệu**
 - + TK 1521: Nguyên liệu, vật liệu chính
 - + TK 1522: Vật liệu phụ
 - + TK 1523: Nhiên liệu
 - + TK 1524: Phụ tùng
- **TK 153: Công cụ, dụng cụ**
- **TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**
- **TK 155: Thành phẩm**
- **TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

2.2.3.3. Sổ sách kế toán sử dụng.

- Nhật ký chứng từ số 5,6,7,10...
- Bảng kê 3,4,5,6,8,...
- Sổ cái TK 152,153,154,155,...
- Sổ chi tiết TK 152,153,...

2.2.3.4. Quy trình hạch toán.



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Từ các hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, phiếu nhập, phiếu xuất, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính qua cửa sổ nhập dữ liệu của phần mềm kế toán. Sau đó, phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật dữ liệu tới các sổ nhật ký chứng từ, các bảng kê và các sổ cái có liên quan. Khi cần theo dõi theo các loại tài khoản, chứng từ, ..., kế toán sẽ sử dụng chức năng tìm kiếm dữ liệu trên phần mềm.

Ví dụ 9: Tiếp các ví dụ trên.

Hàng ngày, từ các phiếu xuất, phiếu nhập trên máy sẽ tự động vào các Nhật ký – chứng từ và sổ chi tiết TK152, 153, 154, 155. Cuối tháng, cộng số liệu trên các Nhật ký – chứng từ, sau đó từ các số liệu tổng cộng trên Nhật ký – chứng từ máy sẽ tự động chạy vào các Sổ cái.

Tại màn hình giao diện chính chọn **Tổng hợp/ Sổ sách theo hình thức NKCT/ NKCT số 5**

Biểu 2.28: Nhật ký chứng từ số 5

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S04a5 – DN

734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân -HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÍ - CHỨNG TỪ SỐ 5

Tài khoản 331 - Phải trả người bán

(Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010)

STT	Tên người bán	Dư đầu		Ghi có TK 331, ghi Nợ các Tài khoản				Cộng Có TK 331	Ghi Nợ TK 331, ghi Có các TK			Cộng Nợ	Dư cuối tháng	
		Nợ	Có	152	1331	153	...		111	112	...		Nợ	Có
....
7	CTy TNHH Đồng Lực		-	2.180.866		21.808.660		23.989.536						23.989.536
8	Cty TNHH Đồng KT KOREA VN		60.235.412	65.874.932	658.749.315			724.624.247						784.859.659
...
19	Hoàng Văn Hưng		3.538.670	153.730	1.567.300			1.721.030	5.259.700			5.259.700		0
20	Ct TNHHSX &TM Đại Bách Hợp			1.238.500		12.385.000		13.623.500	13.623.500			13.623.500		0

Cộng			2.661.070.991	12.364.978.410	1.437.926.423	48.931.910	...	16.998.948.126	213.535.911	596.127.180	...	10.856.213.762	...	8.803.805.355

Biểu 2.29: Giao diện NKCT số 7



Biểu 2.30: Nhật ký chứng từ số 7 – Phần I

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S04a7 – DN

734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân -HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7- Phần 1

Ghi Có các TK: 142,152,153,154,214,335,351,611,621,622,623,627...

(Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010)

STT	Các TK ghi Có	152	153	154	155	621	622	627	...	Các TK phản ánh ở			Tổng cộng chi phí
	Các TK ghi Nợ									NKCT số 1	NKCT số 2	...	
1	154					76.023.941.843	5.904.930.860	5.851.665.243	...				87.780.537.946
2	621	13.716.742.331			179.426.567				13.896.168.898
3	627	106.790.955	17.839.891						...	24.671.036	5.524.478	...	2.250.194.874
4	632	1.503.068.291	3.333.332		6.709.904.241				8.216.305.864
5	152			4.078.149.331					4.078.149.331
6	335								...	3.900.000		...	3.900.000
7	155			7.466.147.263					7.466.147.263
...
	Cộng	16.881.780.667	21.173..223	11.544..296..594	6.889.330.808	76.023.941.843	5.904.930.860	5.851.665.243		4.429.572.752	3.416.841.761	...	190.691.459.869

Biểu 2.31: Bảng kê số 3

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S04b3 – DN

734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân -HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 3

(Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010)

STT	CHỈ TIÊU	TK152-NVL	TK153-CCDC
1	I. Số dư đầu tháng	12.671.148.819	336.012.127
2	II. Số phát sinh trong tháng:		
3	Từ NKCT số 1 (ghi có TK111)	-	-
4	Từ NKCT số 2 (ghi có TK 112)		
5	Từ NKCT số 5 (ghi có TK 331)	12.364.978.413	48.931.910
6	Từ NKCT số 6 (ghi có TK 151)	-	-
7	Từ NKCT số 7 (ghi có TK 154)	4.078.149.331	
8	Từ NKCT số 10 (ghi có TK 333)	150.884.009	1.500.000
9	III. Cộng số dư đầu tháng và phát sinh trong tháng (I+II)	29.265.120.572	386.444.037
10	IV. Hệ số chênh lệch		
11	V. Xuất dùng trong tháng	16.881.780.667	21.173.223
12	VI. Tồn kho cuối tháng (III – V)	12.383.339.905	365.270.814

Người ghi sổ

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.32: Bảng kê số 4

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S04b4 – DN

734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân -HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 4

Tập hợp chi phí dùng cho phân xưởng

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

STT	Các TK ghi Có	214	334	335	Các TK phản ánh ở các NKCT khác				Công chi phí thực tế trong tháng
	Các TK ghi nợ					NKCT Số 1	NKCT số 2	NKCT số 7	...	
1	TK154				...			87.780.537.946	...	87.780.537.946
2	TK621				...			13.896.168.898	...	13.896.168.898
3	TK622		5.302.199..355		5.904.930.860
4	TK627	870.738.145		39.945.602	...	24.671.036	5.524.478		2.250.194.874
	Cộng	1.063.993.103	5.302.199.335	39.945.602	24.671.036	5.524.478	28.447.250.047	...	109.831.832.578

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.33: Bảng kê số 5

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân -HP

Mẫu số S04b5 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 5

Tập hợp: - Chi phí đầu tư XDCB

- Chi phí bán hàng

- Chi phí quản lý Doanh nghiệp

(Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010)

STT	Các TK ghi Có	142	311	214	338	33	...	Các TK phản ánh ở các NKCT khác				Cộng CP thực trong tháng
	Các TK ghi Nợ							NKCT số 1	NKCT số 2	NKCT số 7	...	

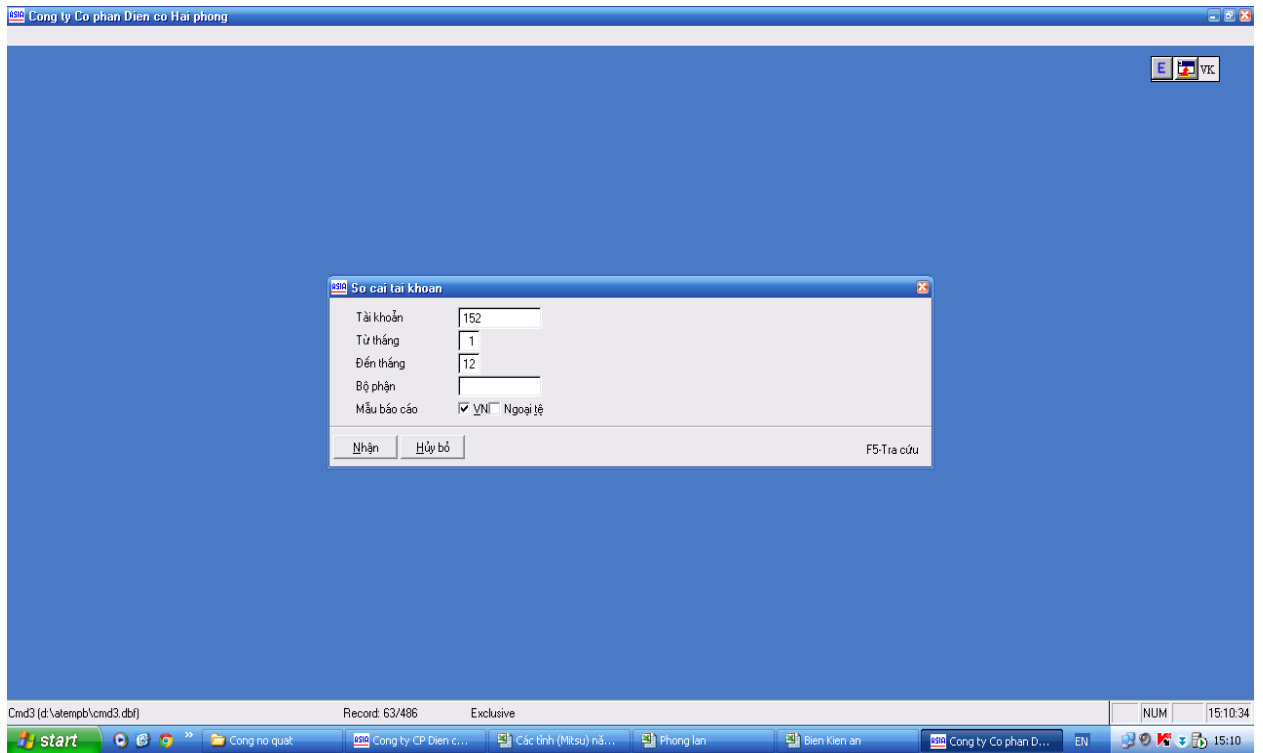
	TK 641:Chi phí BH			134.393.621				167.036.389			...	301.430.010
	TK 642:Chi phí QLDN	117.852.039	17.938.200	58.861.337	29.852.206	174.007.908	100.190.836	110.319.617	3.786.991	...	743.028.338
	Cộng	117.852.039	17.938.200	193.254.958	29.852.206	174.007.908	...	267.227.225	110.319.967	1.555.179.090	...	5.206.583.064

Người ghi số

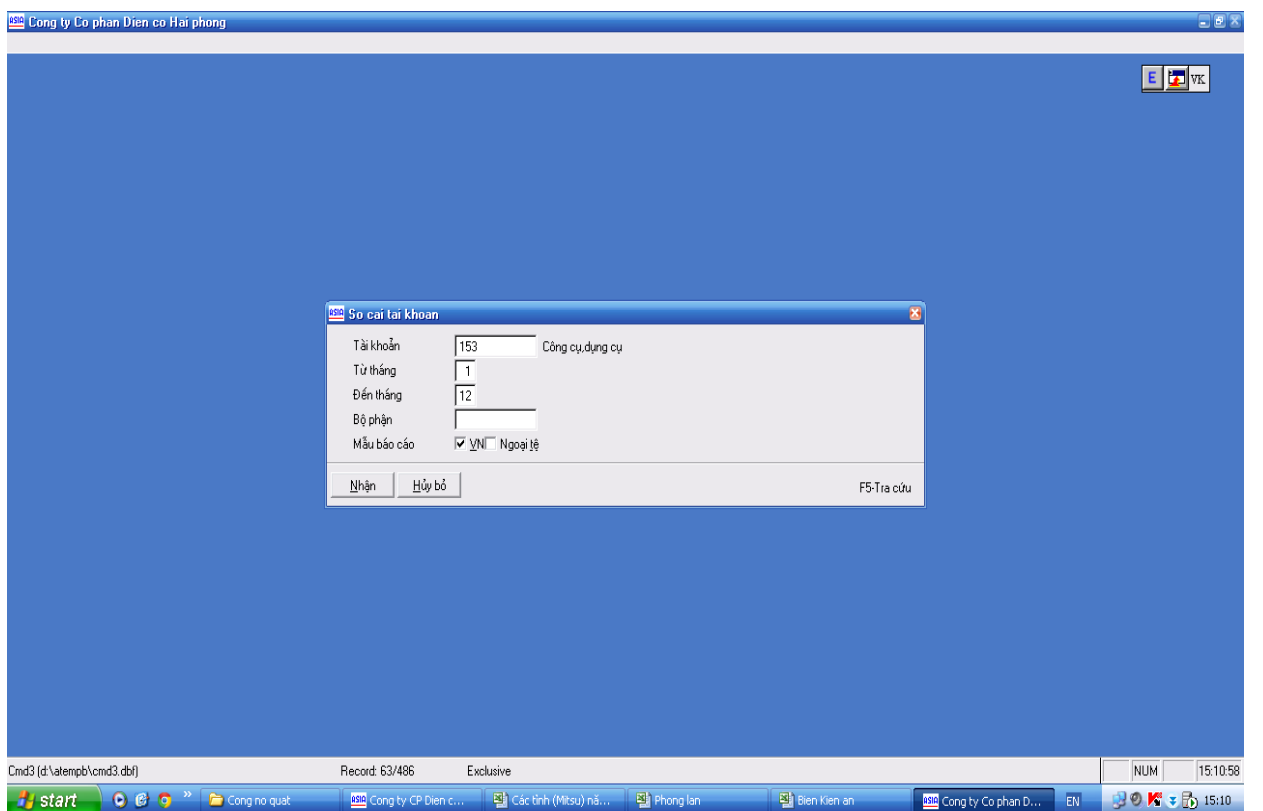
Kế toán trưởng

Căn cứ vào các nhật ký chứng từ máy tính sẽ tự vào các sổ cái.

Biểu 2.34 :Giao diện Sổ cái TK152



Biểu 2.35: Giao diện sổ cái TK153



Biểu 2.36: Sổ Cái TK 152

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S04a5 – DN

734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân -HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
<u>12.671.148.819</u>	

TK đối ứng	Tháng 12
154	4.078.149.413
331	12.364.978.413
33331	150.844.009
Cộng PS Nợ	16.593.971.753
Tổng số PS Có	16.881.780.667
Dư Nợ cuối tháng	12.383.339.905
Dư có cuối tháng	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.37: Sổ Cái TK 153

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S04a5 – DN

734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân -HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 153

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
<u>336.012.127</u>	

TK đối ứng	Tháng 12
331	48.931.910
3341	1.500.000
Cộng PS Nợ	50.431.910
Tổng số PS Có	21.173.223
Dư Nợ cuối tháng	365.270.814
Dư có cuối tháng	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.38: Sổ Cái TK 154

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S04a5 – DN

734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân -HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 154

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
<u>75.655.366.037</u>	

TK đối ứng	Tháng 12
621	76.023.941.843
622	5.904.930.860
627	5.851.665.243
Cộng PS Nợ	87.780.537.946
Tổng số PS Có	11.544.296.594
Dư Nợ cuối tháng	580.875.315
Dư có cuối tháng	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--

Biểu 2.39: Sổ Cái TK 155

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu số S04a5 – DN

734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân -HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 155

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
<u>21.805.918.271</u>	

TK đối ứng	Tháng 12
154	7.466.147.263
Cộng PS Nợ	7.466.147.263
Tổng số PS Có	6.889.330.808
Dư Nợ cuối tháng	22.382.734.736
Dư có cuối tháng	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.4. Công tác kiểm kê hàng tồn kho

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà nước mỗi năm Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng tiến hành kiểm kê hàng tồn kho, và các tài sản khác một lần vào cuối năm.

Mục đích của việc kiểm kê hàng tồn kho là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng của hàng tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý hàng tồn kho ở công ty. Trước mỗi lần kiểm kê, được sự thông báo của hội đồng kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời, ở phòng kế toán, các sổ kế toán về hàng tồn kho đều được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị tồn kho của hàng tồn kho.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm,...Hội đồng kiểm kê phát hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê hàng tồn kho. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này, giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp.

Nhìn chung công tác quản lý hàng tồn kho của Công ty là khá tốt nên không có trường hợp mất mát, chỉ có một vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan.

Ví dụ 10: Ngày 31/12/2010 Công ty tiến hành kiểm kê thành phẩm quạt đứng 450.

Biểu 2.42: Biên bản kiểm kê vật tư, cc, sản phẩm, hàng hoá

Cong ty CP Điện cơ Hải Phòng, Nam: 2010

Table

Biên bản kiểm kê vật tư, cc, sản phẩm, hàng hoá. F7-In, F10-Tùy chọn, Esc-Quay ra

Stt	Ma_vt	Ten_vt	Dvt	So_dd	Giá	Tồn kiểm kê	Dư kiểm kê	Tồn sổ sách	Dư sổ sách	Số lượng tốt 100%	Số lượng
	NTP	Nhóm thành phẩm				29,000	5 899 235	29,000	5 899 235		
	QDUNG	Nhóm quạt đứng		1		29,000	5 899 235	29,000	5 899 235		
1	QD450	Quạt đứng công nghiệp 450	Cái	1	203 421	29,000	5 899 235	29,000	5 899 235		

Biên bản kiểm kê vật tư, cc, sản phẩm, hàng hoá - 3/3 Stt

NUM 15:26:39

start | Tài sao con phải giốn... | 7_thoi_quen_thanh... | nga2 | Cong ty CP Điện cơ H...

3:26 PM

PHẦN III

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

3.1. NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG.

Trải qua một thời gian dài từ khi bước vào cơ chế thị trường, Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng đã vượt qua mọi thử thách và khẳng định mình trên thị trường. Đó là kết quả của một quá trình phấn đấu không mệt mỏi của toàn cán bộ công nhân viên. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng cường về mặt cơ sở vật chất, mà còn bao hàm cả sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý của Công ty.

Trong những năm qua công ty đã đạt được rất nhiều những thành tích, sản phẩm của công ty đã đạt được thị hiếu của khách hàng trong nước và dần hòa nhập vào thị trường thế giới.

Để có được quy chế quản lý, điều hành, kiểm soát tốt hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả cao. Ban lãnh đạo của công ty đã xác định tầm quan trọng, vai trò tích cực của hạch toán kế toán nói chung và của kế toán hàng tồn kho nói riêng, nên đã trang bị những phương tiện cần thiết cho phòng kế toán nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác quản lý tài chính của công ty.

3.1.1. Ưu điểm.

Qua thời gian tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán của công ty, đặc biệt là công tác kế toán hàng tồn kho, em thấy nhìn chung kế toán hàng tồn kho được tổ chức khá chặt chẽ, phù hợp với yêu cầu quản lý về chỉ đạo tập trung của công ty.

Về công tác quản lý: Công tác quản lý hàng tồn kho được thực hiện khá tốt ở tất cả các khâu từ khâu thu mua, bảo quản, sử dụng, dự trữ. Công ty duy trì bộ máy theo kiểu trực tuyến – tham mưu gọn nhẹ, thống nhất.

-Việc mua NVL, CCDC được dựa trên kế hoạch sản xuất, dựa trên các chỉ tiêu quy định của Công ty, các đơn đặt hàng và khả năng tiêu thụ sản phẩm. Công ty có một bộ phận tổ chức thu mua, đó là phòng kế hoạch vật tư chịu trách nhiệm mua kịp thời phục vụ sản xuất.

- Ở khâu bảo quản: Công ty đã tổ chức hệ thống kho bãi, phân loại hàng tồn kho để sắp xếp chúng vào các kho khác nhau, nhằm mục đích là vừa thuận lợi cho quá trình sản xuất vừa thuận lợi cho việc bảo quản.

- Ở khâu sử dụng: Việc sử dụng hàng tồn kho ở các bộ phận của Công ty đều được phòng kế hoạch vật tư căn cứ vào kế hoạch sản xuất của từng tháng, quý để lên kế hoạch cung ứng vật tư khi có yêu cầu của từng bộ phận.

Về bộ máy kế toán: Nhìn chung bộ máy kế toán của công ty tổ chức phù hợp với trình độ, khả năng chuyên môn của từng người nên việc tổ chức công tác kế toán được tiến hành kịp thời và thích ứng với điều kiện của công ty. Phòng kế toán có các nhân viên trẻ có năng lực chuyên môn, nhiệt tình trong công việc cho phù hợp với sự thay đổi của luật kế toán. Đặc biệt công ty đã trang bị cho phòng kế toán máy vi tính, đưa phần mềm kế toán vào sử dụng nên đã giảm được khối lượng công việc đáng kể mà lại đạt được kết quả cao.

Về hình thức sổ kế toán: Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chứng từ. Công ty có quy mô sản xuất lớn, sử dụng nhiều TK kế toán tổng hợp với nhiều nhân viên kế toán, đây là hình thức kế toán có nhiều ưu điểm với Công ty.

Về sử dụng chứng từ: Cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty sử dụng hợp lý hệ thống chứng từ theo quy định của Bộ Tài Chính: chứng từ nhập, xuất đến các chứng từ liên quan đến hàng tồn kho. Đặc biệt Công ty đã tiến hành mã hóa, phân loại nguyên vật liệu nên mặc dù số lượng, chủng loại vật tư lớn nhưng việc cập

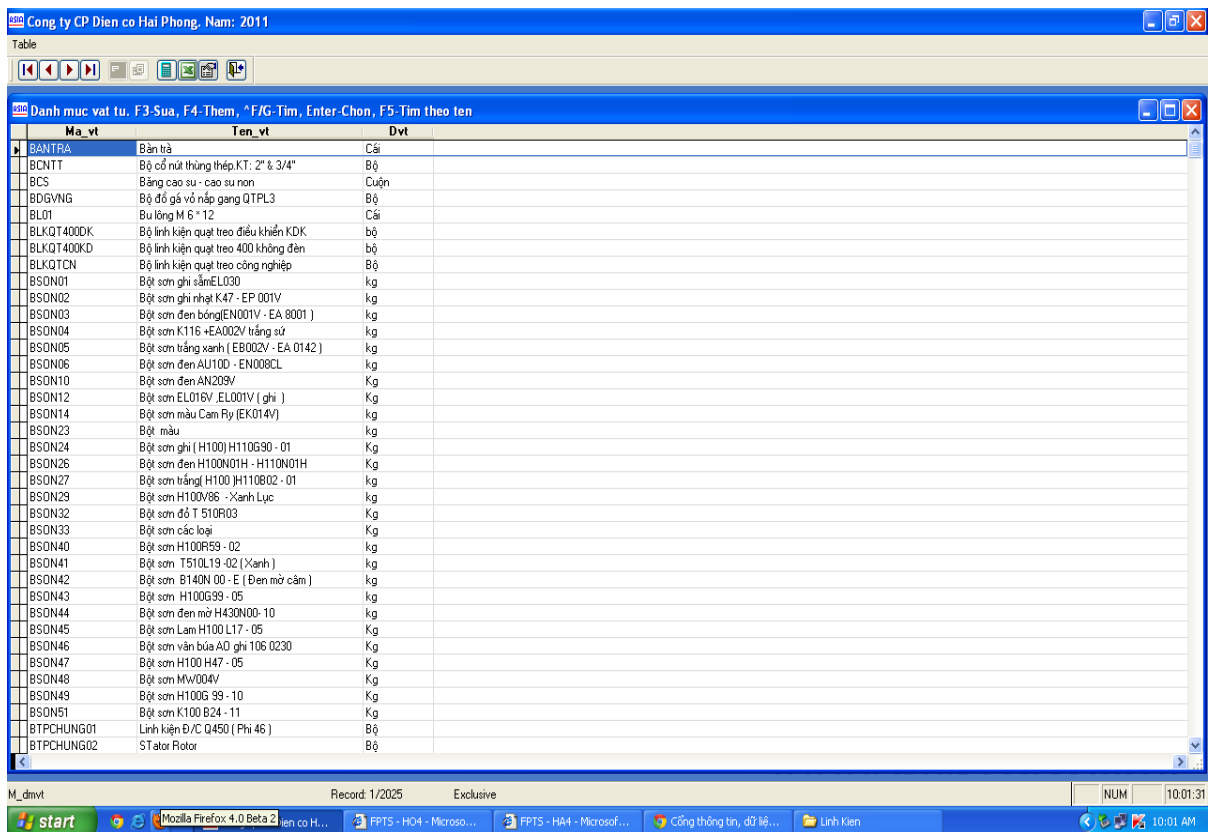
Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

nhập số liệu vào máy được thực hiện đơn giản, nhanh hơn, giảm bớt khối lượng công việc đáng kể cho kế toán.

Về sử dụng sổ sách kế toán: Nhìn chung Công ty đã sử dụng khá đầy đủ các loại sổ kế toán về hàng tồn kho từ hệ thống chi tiết đến hệ thống tổng hợp.

Công ty đã lập bảng danh mục vật tư để phân loại hàng tồn kho một cách chính xác, đảm bảo được tính khoa học và hợp lý....

Biểu 3.1: Bảng danh mục vật tư



Ma_vt	Ten_vt	Dvt
3ANTRA	Bản trả	Cái
BCNTT	Bộ cổ nút thép.KT: 2" & 3/4"	Bộ
BCS	Bảng cao su - cao su non	Cuộn
BDBGVNG	Bộ đồ gá vỏ nắp gang Q1PL3	Bộ
BL01	Bu lông M 6 * 12	Cái
BLKQT400DK	Bộ linh kiện quạt treo điều khiển KDK	bộ
BLKQT400KD	Bộ linh kiện quạt treo 400 không đèn	bộ
BLKQTCN	Bộ linh kiện quạt treo công nghiệp	Bộ
BSON01	Bột sơn ghi sẫmEL030	kg
BSON02	Bột sơn ghi nhạt K47 - EP 001V	kg
BSON03	Bột sơn đen bóng(EN001V - EA 8001)	kg
BSON04	Bột sơn K116 +EA002V/ trắng sứ	kg
BSON05	Bột sơn trắng xanh (EB002V - EA 0142)	kg
BSON06	Bột sơn đen AU100 - EN008CL	kg
BSON10	Bột sơn đen AN209V	Kg
BSON12	Bột sơn EL016V .EL001V (ghi)	Kg
BSON14	Bột sơn màu Cam Rỵ (EK014V)	kg
BSON23	Bột màu	kg
BSON24	Bột sơn ghi (H100)H110G90 - 01	Kg
BSON26	Bột sơn đen H100N01H - H110N01H	Kg
BSON27	Bột sơn trắng H100 JH110B02 - 01	kg
BSON29	Bột sơn H100V86 - Xanh Lục	kg
BSON32	Bột sơn đỏ T 510R03	Kg
BSON33	Bột sơn các loại	Kg
BSON40	Bột sơn H100R93 - 02	kg
BSON41	Bột sơn T510L19 -02 (Xanh)	kg
BSON42	Bột sơn B140N 00 - E (Đen mờ cầm)	kg
BSON43	Bột sơn H100G99 - 05	kg
BSON44	Bột sơn đen mờ H430N00- 10	kg
BSON45	Bột sơn Lam H100 L17 - 05	Kg
BSON46	Bột sơn vân búa AD ghi 106 0230	Kg
BSON47	Bột sơn H100 H47 - 05	Kg
BSON48	Bột sơn Mv/004V	Kg
BSON49	Bột sơn H100G 99 - 10	Kg
BSON51	Bột sơn K100 B24 - 11	Kg
BTPCHUNG01	Linh kiện Đ/C Q450 (Phi 46)	Bộ
BTPCHUNG02	STator Rotor	Bộ

Đồng thời Công ty cũng đã có các báo cáo giá trị hàng xuất, và hàng nhập

Biểu 3.2: Báo cáo giá trị hàng xuất

Stt	Ma	Ten	Tien	%
1			2.151.063	0.010000
2	01CTTCT	Công ty TNHH thiết bị điện Tân công trang	8.198.231	0.030000
3	02CHCT	CH Chu Thuởng	3.797.522	0.020000
4	02CHHL	Cửa hàng Hòa Long	2.470.593	0.010000
5	02CHHP	Cửa hàng điện máy Hà Phi	1.215.759	0.010000
6	02CHHT	Cửa hàng Hương Thành	7.260.874	0.030000
7	02CHMT	Công ty TNHH Cường Hiệp	4.073.601	0.020000
8	02CHQC	Cửa hàng Quyển Chung	76.565.304	0.320000
9	02CHQH	Cửa hàng Quang Hà	6.485.948	0.030000
10	02CHTI	Cửa hàng điện máy Thanh Thọ	2.673.534	0.010000
11	02CHVN	CH Vương Ngồn	990.898	0.000000
12	02CTDH	Công ty TNHH Đông Hướng	6.985.745	0.030000
13	02CTPDP	Công ty TNHH TM SX/D Phú Đức Phát	140.896.304	0.600000
14	02CTTHP	Công ty TNHH Trương Hoàng Phương	6.801.079	0.030000
15	02DMNP	Tổng đại lý điện máy Nam Phương	8.354.794	0.040000
16	02DNIA	Doanh nghiệp tư nhân Thịnh Anh	4.684.400	0.020000
17	02DUYTN	CH Duy Hiên	11.113.831	0.050000
18	02MINHTHU	CH Minh Thu	8.239.124	0.030000
19	110TNH	Cửa hàng 110 Trần nguyên Hân	242.017.588	1.020000
20	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	816.500.473	3.450000
21	200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	1.047.120.504	4.420000
22	ADHD	Cty cổ phần điện cơ 1991	362.439.417	1.530000
23	AHTB	Anh Hùng TB	1.031.080	0.000000
24	AITHN	Công ty TNHH Điện cơ - Điện tử Việt Nhật	166.600.225	0.700000
25	BIEN	Anh Biền Kiến An năm 2002	13.777.432	0.060000
26	BIENKA	Anh Biền Kiến An	138.001.287	0.580000
27	BLE	Bán lẻ	292.527.228	1.240000
28	CHCM	Cửa hàng cúc mai	9.388.880	0.040000
29	CHDL	CH Dũng lương -123 Quang trung	11.511.949	0.050000
30	CHGTSP	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm 200TH DETON	83.374.316	0.350000
31	CHHH	Nguyễn Thị Hồng	52.814.304	0.220000
32	CHHN	Cty CP Việt hàn	7.664.496	0.030000
33	CHLIEN	CH liên - Bắc giang	3.989.929	0.020000

Và chúng tôi được theo dõi thông qua bảng kê phiếu xuất, phiếu nhập

Biểu 3.3: Bảng kê phiếu xuất

Ma khách	Ten khách	Dien giai	Ma nx	Ma kho	Tien ban
BIENKA	Anh Biền Kiến An	Mua quạt	131	KTP151	5.589.427
CTDV	Công ty CP thương mại H & H	Mua quạt	131	KTP151	2.135.024
151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	Mua quạt	131	CH04	2.135.024
BLE	Bán lẻ	Mua quạt	131	KBTP	8.600.000
CTDV	Công ty CP thương mại H & H	Mua quạt*	131	KTP151	16.532.919
151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	Mua quạt	155	KTP151	2.668.781
200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	CH01	6.255.452
200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	CH01	1.843.024
CTDV	Công ty CP thương mại H & H	Mua quạt*	131	KTP151	12.424.481
200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	CH01	389.122
200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	CH01	132.398
200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	CH01	883.507

Ma vt	Ten vt	Dvt	So luong	Gia Nt	Tien Nt	Gia	Tien
QD450	Quạt đứng công nghiệp 450	Cái	10,000	230.377,9447	2.303.779,450	230.377,944	303.779
QT450	Quạt treo công nghiệp 450	Cái	21,000	188.174,9236	3.951.673,400	188.174,923	951.673

Biểu 3.4: Bảng kê phiếu nhập

Ngày ct	Ma_ct0	So_ct	Ma_khach	Ten_khach	Diện_giai	Ma_nx
02/12/2010	PN	403	CTMP	Cty TNHH TM SX & DV Minh Phong	Mua máy hàn bầm 39KVA Theo HD 6162	331
02/12/2010	PN	46VC	TQB	Tạ Quốc Bảo	Phí nhập khẩu motor (220V - 58W)	PN 331
02/12/2010	PN	23521	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm		155
03/12/2010	PN	23522	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm		155
04/12/2010	PN	404	TQB	Tạ Quốc Bảo	Mua ống nhựa phi 21, 34, ống cao su phi 331	
04/12/2010	PN	23523	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm		155
08/12/2010	PN	147	CSSXHB	Cty TNHH một thành viên Hoa Bưởi	Mua chuyển hướng điện (Động cơ tuốc)	331
08/12/2010	PN	406	DNBC	DNTN Bảo Châu	Mua xi măng, Thép D10, D18 LD (XD nh)	331
08/12/2010	PN	406	TQB	Tạ Quốc Bảo	Mua máy hàn Theo HD 27250 Ngày 07/	331
08/12/2010	PN	407	CTTNHH	Cty TNHH Thanh Biên	Mua máy hàn Theo HD 85291 Ngày 08/	331
08/12/2010	PN	408	PXCK2	phần xưởng cơ khí	Gia công chế tạo khuôn dập bao hình lớn	3341
08/12/2010	PN	409	DKDH	Công Ty TNHH Dầu Khí Hải Hải	Mua gas Theo HD 58175 Ngày 30.11.20	331

Công ty cũng theo dõi tình hình mua, bán hàng một cách một cách chặt chẽ thông qua các nhật ký mua hàng và bán hàng.

Biểu 3.5: Nhật ký bán hàng

Ngày_Ct	Ma_ct0	So_ct	Ma_kh	Ten_kh	Diện_giai	Tk_no	Tk_co	Tien	Ma_vv	Ma_ct
Tổng phát sinh trong kỳ:								61 758 287 908		
03/12/2010	HD	24547	THIEU	Anh Thiệu -126 Phạm hữu Điều		131	33311	1 279 200	CT	HDB
03/12/2010	HD	24547	THIEU	Anh Thiệu -126 Phạm hữu Điều		131	5111	12 792 000	CT	HDB
03/12/2010	HD	24554	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	Mua quạt	131	33311	1 350 000	CH04	HDB
03/12/2010	HD	24554	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	Mua quạt	131	5111	1 350 000	CH04	HDB
03/12/2010	HD	24555	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	Mua quạt	131	33311	1 383 200	CH04	HDB
03/12/2010	HD	24555	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	Mua quạt	131	5111	13 832 000	CH04	HDB
03/12/2010	HD	24602	CTQD	Công Ty TNHH một thành viên Quang điện - Điện tử	Mua long	131	33311	11 120 000	CT	HDT
03/12/2010	HD	24602	CTQD	Công Ty TNHH một thành viên Quang điện - Điện tử	Mua long	131	5112	111 200 000	CT	HDT
03/12/2010	HD	24603	HNCH	Công ty Hà nội Ching hai	Mua long	131	33311	6 150 000	CT	HDT
03/12/2010	HD	24603	HNCH	Công ty Hà nội Ching hai	Mua long	131	5112	61 500 000	CT	HDT
03/12/2010	HD	24906	CTDV	Công ty CP thương mại H & H	Mua quạt*	131	33311	1 728 000	CT	HDB
03/12/2010	HD	24906	CTDV	Công ty CP thương mại H & H	Mua quạt*	131	5111	17 280 000	CT	HDB
04/12/2010	HD	06371	200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	33311	1 214 000	CH01	HDB
04/12/2010	HD	06371	200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	5111	12 140 000	CH01	HDB
04/12/2010	HD	24548	THIEU	Anh Thiệu -126 Phạm hữu Điều		131	33311	88 000	CT	HDB
04/12/2010	HD	24548	THIEU	Anh Thiệu -126 Phạm hữu Điều		131	5111	880 000	CT	HDB
04/12/2010	HD	24549	BIENKA	Anh Biên Kiến An	Mua quạt	131	33311	648 000	CT	HDB
04/12/2010	HD	24549	BIENKA	Anh Biên Kiến An	Mua quạt	131	5111	6 480 000	CT	HDB
04/12/2010	HD	24550	CTDV	Công ty CP thương mại H & H	Mua quạt	131	33311	248 000	CT	HDB
04/12/2010	HD	24550	CTDV	Công ty CP thương mại H & H	Mua quạt	131	5111	2 480 000	CT	HDB
04/12/2010	HD	24556	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	Mua quạt	131	33311	272 000	CH04	HDB
04/12/2010	HD	24556	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	Mua quạt	131	5111	2 720 000	CH04	HDB
04/12/2010	HD	24604	BLE	Bán lẻ	Mua long	131	33311	9 395 000	CT	HDT
04/12/2010	HD	24604	BLE	Bán lẻ	Mua long	131	5113	9 395 000	CT	HDT
04/12/2010	HD	24907	CTDV	Công ty CP thương mại H & H	Mua quạt*	131	33311	1 728 000	CT	HDB
04/12/2010	HD	24907	CTDV	Công ty CP thương mại H & H	Mua quạt*	131	5111	17 280 000	CT	HDB
05/12/2010	HD	06372	200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	33311	825 000	CH01	HDB
05/12/2010	HD	06372	200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	5111	8 250 000	CH01	HDB
05/12/2010	HD	06373	200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	33311	240 000	CH01	HDB
05/12/2010	HD	06373	200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Mua quạt	131	5111	2 400 000	CH01	HDB
05/12/2010	HD	24908	CTDV	Công ty CP thương mại H & H	Mua quạt*	131	33311	1 297 000	CT	HDB

3.1.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những thành tích đạt được, công tác kế toán hàng tồn kho của Công ty còn hạn chế:

Mặc dù công tác kiểm kê cuối kỳ được thực hiện nghiêm ngặt, song những hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày, những hàng tồn kho kém phẩm chất chưa được lập biên bản trả lại người bán hoặc xử lý kịp thời, nên ảnh hưởng tới việc tồn kho lâu dài.

Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kế hoạch – vật tư, phòng tài chính – kế toán diễn ra thường xuyên, tuy nhiên giữa các bộ phận và phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ, do đó dễ xảy ra tình trạng mất mát và kho xảy ra mất mát thì không biết quy trách nhiệm cho ai.

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng đã lựa chọn phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song, phương pháp này ưu điểm là đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, tuy nhiên việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán có sự trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, hơn nữa hàng tồn kho của công ty đa dạng về chủng loại, số lần nhập xuất nhiều, với trình độ đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ cao thì việc áp dụng thẻ song song là chưa hợp lý.

3.2. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY.

Để hoàn thiện và phát huy hơn nữa vai trò của công tác kế toán hàng tồn kho cần thực hiện những vấn đề sau:

Ý kiến 1: Công ty nên hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Vì theo phương pháp này kế toán có thể theo dõi tình hình biến động một cách nhanh chóng kịp thời. Nếu điều kiện chưa cho phép có sự thay đổi này thì công ty nên tiến hành sử dụng tài khoản 6111 theo đúng quy định tài khoản sử dụng cho phương pháp kiểm kê định kỳ.

Ý kiến 2: Tại công ty tình hình nhập xuất hàng tồn kho diễn ra thường xuyên, do đó để thuận lợi cho việc cung cấp thông tin một cách kịp thời thì hàng ngày kế toán phải theo dõi trị giá vốn thực tế cho từng loại hàng tồn kho. Để làm được điều đó thì Công ty nên sử dụng đơn giá bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn trước khi xuất}}{\text{Số lượng hàng tồn trước khi xuất}}$$

$$\text{Trị giá thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân liên hoàn}$$

Tại công ty có thể tính được trị giá vốn xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn bởi vì trị giá vốn thực tế của hàng nhập kho bao gồm cả trị giá mua. Mà chi phí thu mua đó ta có thể tính được ngay khi mua hàng mà không cuối kỳ mới hạch toán.

Ý kiến 3: Kế toán nên sử dụng sổ chi tiết cho từng vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm cụ thể. Công ty thường mở sổ tổng hợp nên rất khó khăn cho việc theo dõi một số nghiệp vụ, đối chiếu sổ sách. Công ty không mở sổ chi tiết cho từng loại hàng tồn kho nên rất khó theo dõi tình hình nhập xuất của từng loại hàng tồn kho.

Ví dụ lập sổ chi tiết TK 1522, chi tiết cho vật tư lõi quấn dây điện từ loại to.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Mẫu S10 – DN

734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tài khoản: 1522 Tên kho: KVT

Tên quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): Lõi quấn dây điện từ loại to (PT25)

(Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010)

Đơn vị tính: Cái

Ngày_ ct	Mã_ ct	Số_ ct	Mã_kh	Tên khách hàng	Diễn giải	TK_d ur	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
								SL	TT	SL	TT	SL	TT
					Tồn đầu tháng		17.886,337					1301	23.270.125
...
14/12	PX	216	CTKOREA	Cty TNHH Đồng kỹ thuật KOREA	Xuất bán theo HD 24730	632	16.646,557			2400	39.951.737	3.863	64.305.650
18/12	PX	231	CTKOREA	Cty TNHH Đồng kỹ thuật KOREA	Xuất bán theo HD 24746	632	16.646,557			2590	43.114.583	1.273	21.191.067
31/12	PN	12	NVD	Nguyễn Việt Dũng	Nhập kho tt lương T12/2010	154	16.465	3.925	64.625.125			5.198	85.816.192
...
					Cộng phát sinh T12			8884	146.275.060	10.185	169.545.185		
					Tồn cuối tháng		0					0	0

Biểu số 3.6: Sổ chi tiết vật liệu PT25

Ý kiến 4: Công ty đã lựa chọn phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song, phương pháp này ưu điểm là đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, tuy nhiên việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán có sự trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, hơn nữa hàng tồn kho của công ty đa dạng về chủng loại, mẫu mã, số lần nhập xuất nhiều, liên tục. Đồng thời với đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ cao thì việc áp dụng phương pháp thẻ song song là chưa hợp lý.

Công ty nên lựa chọn phương pháp sổ số dư thì có nhiều thuận lợi hơn, tránh được sự trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt, công việc đều hàng tháng.

KẾT LUẬN

Có thể nói, ở các doanh nghiệp sản xuất kế toán hàng tồn kho đóng vai trò vô cùng quan trọng trong công tác quản lý sản xuất, tiêu thụ. Quản lý tốt hàng tồn kho là một biện pháp tích cực để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm...

Đồng thời thông qua công tác kế toán hàng tồn kho, các doanh nghiệp sản xuất có thể ngăn ngừa được các hiện tượng tiêu cực, lãng phí vật tư làm thiệt hại đến tài sản, ứ đọng vốn sản xuất kinh doanh

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng đã giúp em nắm vững hơn kiến thức về công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng. Em nhận thấy lý thuyết là cơ sở, là căn bản để ta vận dụng vào thực tế tuy lý thuyết và thực tế có chút khác nhau. Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế để hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán cũng như làm cho lý thuyết phản ánh được thực tế một cách sinh động nhất và chính xác nhất.

Do thời gian không nhiều và trình độ có hạn nên bài khoá luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, chưa được đầy đủ. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo và đóng góp ý kiến của thầy cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn cô Bùi Thị Chung trường CĐ Cộng Đồng, các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường ĐHDL Hải Phòng, cùng các cô chú, anh chị trong phòng tài chính – kế toán, phòng tổ chức - hành chính, phòng tiêu thụ sản phẩm của công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận này.

Hải Phòng ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GIÁO TRÌNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
2. GIÁO TRÌNH KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
3. KẾ TOÁN TÀI CHÍNH – ĐHKT TP. HỒ CHÍ MINH
4. HỆ THỐNG KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHỨNG TỪ KẾ TOÁN, HƯỚNG DẪN GHI SỔ KẾ TOÁN
5. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM – NXB LAO ĐỘNG XÃ HỘI
6. KHOÁ LUẬN CỦA MỘT SỐ KHOÁ TRƯỚC